

PHẬT LỊCH 2552

LĂNG NGHIÊM ĐẠI BI THẬP CHỦ



HUYỀN THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Theo truyền thống Đại Thừa, phần lớn các chùa chiền và chư Tăng thường trì niệm Khóa tụng buổi sáng là **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú**. Đến khi Phật Giáo được phát triển rộng rãi cho các Đồ Chúng Phật Giáo thì rất nhiều người đã thực hành Khóa Tụng này.

Mục đích chính của Khóa Tụng này đã được Pháp Sư **Quán Nguyệt** giảng giải trong quyển **Nhị Khóa Hiệp Giải** (Hoà Thượng **Thích Khánh Anh** dịch) là:

“Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thân Chú có công năng điều trị mầm mống Ngũ Dục nhằm mau chóng hiển bày Tính nhiệm màu Chân Như của Như Lai Tạng (Tathāgatagarbha)

Tiếp đến là Đại Bi Tâm Chú có công năng rửa sạch bụi phiền não trong tâm ta nhằm thấu tỏ được Tâm Đại Bi đồng Thể.

Tiếp đến Như Ý Bảo Luân Vương Thân Chú mang công năng vận chuyển bánh xe Pháp Như Ý.

Tiếp tụng Tiêu Tai Cát Tường Thân Chú để tiêu diệt tai ương, thành tựu sự an vui và làm cho bánh xe Pháp càng thêm vững chắc.

Tiếp tụng Công Đức Bảo Sơn Thân Chú nhằm vun đắp điều lành đã có nơi Tâm trở thành núi báu Công Đức.

Tiếp tụng Phật Mẫu Chuẩn Đề Thân Chú để phá tan Lý Chướng, trực kiết Pháp Tính (Dharmatā)

Tiếp tụng Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni nhằm thành tựu Trí Tuệ Diên Mệnh của Đức Quang Minh Vương Như Lai.

Tiếp tụng Dược Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn để phát triển Trí Tuệ Diên Mệnh tạo thành ánh sáng lưu ly chiếu rọi vào đỉnh đầu nhằm dứt trừ muôn bệnh

Tiếp tụng Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn để tương ứng với Pháp Môn Viên Thông của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và thành tựu sự linh cảm.

Tiếp tụng Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn để diệt sạch nghiệp căn vô thủy, hiện rõ vành trăng Trí Tuệ.

Tiếp tụng Vãng Sinh Quyết Định Chân Ngôn nhằm thực chứng cảnh giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

Tiếp tụng Thiện Nữ Thiên Chú nhằm gom chứa Pháp Quán màu nhiệm trên , cộng thành diệu dụng của Pháp Tính, viên mãn mọi sở nguyện.

Tiếp trì tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh để dứt trừ sự chấp trước nơi Quán Cảnh, thực chứng Tính Không (‘Sūnyatā) của vạn Pháp.”

Tuy nhiên đối với 12 bài Mật Chú và một bài Hiển Kinh này thì rất nhiều người mong muốn tìm cầu nguyên ngữ Phạm Văn để phát huy uy lực gia trì của chư Phật Hiền Thánh. Ngay bản thân tôi cũng có ước nguyện này. Trải qua nhiều năm tìm cầu, nhờ chút duyên lành nên tôi đã sưu tập được 12 bài Chú ấy bằng văn tự Tất Đàn (Siddham). Trong giai đoạn này (1995_1998) dưới sự khuyến khích của Sư Cô **Thích Nữ Trí Hải** tôi đã ghi lại phần sưu tập của mình và mạo muội diễn dịch một số bài Chú theo Việt văn nhằm củng cố hướng phóng Tâm tu học của người trì tụng. Thật không may vì thiếu thốn tài liệu tham khảo nên các bài dịch chưa diễn đạt chính đúng, nhất là bài **Chú Lăng Nghiêm**.

Sau này nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của Thầy **Pháp Quang**, sự khuyến tấn chân thành của Thầy **Thích Quảng Trí** nên tôi tạm hoàn thành các bản phiên dịch và Thầy **Pháp Quang** đã đăng tải các bài **Lăng Nghiêm Thập Chú** trên trang web (www.tinhluattemple.org). Vào đầu tháng 05 năm 2006, Thầy **Pháp Quang** đã cho tôi đĩa CD (CBETA Điện Tử Phật Điển Đại Chính Tạng) trong đó có ghi nhận phần văn tự Tất Đàn nên tôi đã chèn thêm vào các Kinh Bản (3 bản Lăng Nghiêm, 11 bài Chú) nhằm hỗ trợ cho người đọc tụng được chữ Tất Đàn cũng như có thể tự mình xác định được sự sai đúng của các bản dịch.

Lẽ dĩ nhiên các bản phiên dịch này vẫn còn nhiều sự sai sót nên tôi cầu xin các bậc Long Tượng Mật Giáo, chư vị Cao Tăng Đại Đức hãy rủ lòng Từ Bi sửa chữa lỗi lầm và giúp cho các bản dịch được chính xác hơn nhằm giúp cho người học mình xác được hướng đi chính đúng.

Mọi công đức có được trong tập ghi chép này, con xin hồi hướng đến hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**), Giác linh của Sư Cô **Thích Nữ Trí Hải** là những bậc Thầy đầu tiên giúp cho con soạn dịch tập sách này.

Con cũng xin hồi hướng các Công Đức có được đến các Thầy **Pháp Quang**, **Thích Quảng Trí** là các bậc Thầy luôn theo dõi và khuyến tấn con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin các bậc ân nhân của tôi cùng với tất cả chúng Hữu Tình trong ba nẻo sáu đường đều mau chóng vượt qua mọi chướng nạn và chứng đạt được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

NAM MÔ KHAI BẢO TẠNG BỒ TÁT MA HA TÁT

Mùa Hạ năm Bính Tuất (2006)

Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

ĐẠI PHẬT ĐỈNH

THỦ LĂNG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Dựa theo Quảng Bản của Ngài **BÁT KHÔNG**
Phục hồi và chú thích Phạm Văn : **HUYỀN THANH**

ĐỀ DANH CHÚ :

स्रथगठगठशुष सठगठपठं स्रथगठं प्रथुगठं धरानं

STATHÀGATOSṢṢAM SITATÀPATRAM APARÀJITAM PRATYU ÑGIRAM
DHÀRANÌ

Stathàgata : Tất cả Như Lai

Uṣṣa : Đỉnh kế, đỉnh cổ, nhục kế là phần thịt nổi cao tròn trên đỉnh đầu. Đây là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật

Stathàgatoṣṣam : Nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế hay Đỉnh kế của tất cả Như Lai

Sitata : Có tính màu trắng

Patra : Cái lọng, cái dù

Sitàtapatram : Bạch Tản Cái tức cái lọng màu trắng

Aparàjitam : Vô năng thắng tức không có gì vượt thắng hơn được

Pratyuñgiram : Rất khéo điều phục (Thậm năng điều phục) hay cứu thoát (năng cứu thoát)

Dhàranì : Tổng Trì tức gìn giữ tổng thể

***) Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thạm Năng Điều Phục Đà La Ni**

I_ HỘI THỨ NHẤT :

ॐ स्रथगठस्रथगठस्रथगठः

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ

Namaḥ : Kính lễ

Sarva : Tất cả (Nhất thiết)

Buddha : Bậc Giác Ngộ , vị Phật

Bodhisatva : Giác Hữu Tình , vị Bồ Tát

Ebhyaḥ : Đẳng cấp, hàng

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát

ॐ नमो सप्तानाम् सम्यक्सम्बुद्धा कोटिनाम् सा'स्रवका
समघानाम्

NAMO SAPTÀNÀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬÌNÀM SA'SRÀVAKA
SAMGHÀNÀM

Namo : Quy mệnh, quy y, lễ bái, cúng dường, cứu ngã, độ ngã

Sapta : số 7_ Nàm là nhiều. Trong văn tự Tất Đàn thì saptànàm được dùng để kết
hợp nhân số 7 với một số lớn hơn đặt ở phía sau danh từ cần phải tính đếm

Samyak : Chính, Chính Đẳng

Sambuddha : Biến giác , biến tri tức là cái biết khắp cả

Samyaksambuddha : Chính Biến Tri, Chính Đẳng Chính Giác

Koṭi : Ưc, 100 triệu_ Koṭinàm kết hợp với Saptànàm phía trên thành 7 ức hay 700
triệu

'Sravàka : Thanh Văn chỉ người do nghe giảng học hỏi mà chứng Đạo giải thoát.
Sa'sravàka là Diệu Thanh Văn

Saṅgha : còn viết là saṃgha , saṅgha chỉ vị tu sĩ Phật Giáo (Tăng)_ saṅghànàm là
Tăng Chúng

Quy mệnh 7 ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

ॐ नमो लोके अरहानाम्

NAMO LOKE ARHANTÀNÀM

Loka : Thế gian_ Loke là bên trong Thế Gian

Arhanta : còn viết là Arhàt, arhate tức A La Hán là quả vị thứ tư trong 4 quả Thanh
Văn. A La Hán có 3 nghĩa là : Sát Tặc (Giết giặc phiền não) Vô Sinh (Không còn sinh tử

luân hồi) Ứng Cúng (Bậc Thánh xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả chúng sinh) .
Arahantànàṃ là Chúng A La Hán

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

ॐ नमो श्रोतपन्नानाम्

NAMO SROTÀPANNÀNÀṂ

Srota : Giòng chảy (Lưu)

Apanna : Tham dự vào, nhập vào

Srotàpanna : Tu Đà Hoàn là quả vị thứ nhất trong 4 quả Thanh Văn thường dịch là Nhập Lưu, Dự Lưu, Nghịch Lưu (Ngược giòng sinh tử)

Quy mệnh Chúng Dự Lưu

ॐ नमो सुकृतागमिनाम्

NAMO SUKṚTÀGAMÌNÀṂ

Sukṛta : Một (Nhất)

Agami : Đi đến (Lai)

Sukṛtågami : Tu Đà Hoàn là quả vị thứ hai trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Nhất Lai

Quy mệnh Chúng Nhất Lai

ॐ नमो आनागमिनाम्

NAMO ANÀGAMÌNÀṂ

Ana : Chẳng phải (Bất)

Agami : Đi đến (Lai), quay trở lại (Hoàn)

Anågami : A Na Hàm là quả vị thứ ba trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Bất Lai, Bất Hoàn

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn

ॐ नमो लोके सम्यग्गतानाम् सम्यक्प्रतिपन्नानाम्

NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀṂ SAMYAKPRATIPANNÀNÀṂ

Samyag : Chính

Gata : Vượt Qua, đã đi qua, nơi đã đến

Samyaggatànàm : Chúng Chính Chí tức tên gọi 4 Quả Thanh Văn

Samyak : Chính

Pratipanna : Nổi lên, lộ ra, bắt kịp, theo kịp, đến gần, nơi hay lui tới

Samypratipannàm: Chúng Chính Hành, Chúng Chính Hưởng là tên của 4 Hưởng tiến đến 4 Quả Thanh Văn

Quy mệnh Chúng đạt 4 Quả với Chúng đạt 4 Hưởng trong Thế Gian

ॐ नमो रत्नत्रयाय

NAMO RATNATRAYÀYA

Ratna : Vật báu (Bảo)

Traya : Có 3 phần

Aya : Đẳng, nhóm

Ratnatrayàya : Nhóm 3 báu Phật , Pháp , Tăng

Quy mệnh 3 báu Phật, Pháp, Tăng

ॐ नमो भगवते र्द्रधा सुरसेनाप्राहारा राजाया तथगतया अहते सम्यक्सम्बुद्धाया

NAMO BHAGAVATE DRDHA 'SURASENAPRAHARANA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Bhagavate : còn ghi là Bhagavàt, Bhagavàn, Bhagavaṃ là Bậc Tôn Quý trong Thế Gian (Thế Tôn) . Dịch ý là Tác Hữu Đức, Hữu Đại Công Đức, Hữu Danh Thanh, Chúng Hữu (Mọi Thần ngầm giúp), Xảo Phân Biệt, Năng Phá, Thế Tôn, Tôn Quý. Tại Ấn Độ dùng để xưng tán Bậc Thánh Hiền, vị Thần có uy đức gồm có 6 nghĩa là : Tự tại, chính nghĩa, ly dục, cát tường, danh xưng, giải thoát

Trong Phật Giáo dùng Bhagavat để tôn xưng Đức Phật. Lại nhân Phật Đà có đủ mọi Đức là : có đủ đức, hay phân biệt, nhận sự tôn kính của mọi người, hay phá trừ phiền não cho nên Bhagavat có đủ 4 nghĩa là : Hữu Đức, Xảo Phân Biệt, Hữu Danh Thanh, Năng Phá.

Phật Địa Kinh Luận, Quyển 1 ghi : Bạc Già Phạm có đủ 6 nghĩa là : Tự Tại, Xí Thịnh, Đoan Nghiêm, Danh Xưng, Cát Tường, Tôn Quý

Dṛḍha : Kiên cố, bền chắc

‘Sura : Dũng mãnh, anh hùng

Sena : Quân lính

Praharāṇa : Gõ , đánh, kích (đâm) , chiến đấu, chống cự lại, phản kích

Rājāya : Vương đẳng, hàng vua chúa

Tathāgata : Như Lai

Arhate : Ứng Cúng

Samyakṣambuddha : Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते अमिताभय तथगतये अरहते सम्यक्सम्बुद्धये

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Amita : Vô lượng

Abha : Ánh sáng (Quang)

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते अक्षय तथगतये अरहते सम्यक्सम्बुद्धये

NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Akṣobhya : Bất động

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते अचल सुख ईश्वर चर एष्य नमो भगवते अरहते सम्यक्सम्बुद्धये

NAMO BHAGAVATE BHAISAJYA GURU VAITURYA PRABHA RÀJÀYA
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Bhaìsaijya : Thuốc men (Dược)

Guru : danh từ chỉ vị Đạo Sư

Vaitùrya : Lưu Ly, thủy tinh

Prabha : Ánh sáng (Quang)

**Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính
Đẳng Chính Giác**

ॐ नमो भगवते धर्मपूज्ये गुरुवैतुर्या प्रभारज्या तथगतया अर्हते सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE SAMPUŞPITA SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Sam là bóc mở khắp cả. Puşpa là Bông hoa. Sampuşpita là Khai Phu Hoa (Bóc mở
bông hoa)

Sàla là cây Sa La. Indra là đế vương. Sàlendra là Sa La Thọ Vương

**Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính
Đẳng Chính Giác**

ॐ नमो भगवते धर्मपूज्ये गुरुवैतुर्या प्रभारज्या तथगतया अर्हते सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUÑÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHÀYA

'Sàkya : Thích Ca được dịch là Năng Nhân

Muñi : Tịch Mặc, sự êm ả vắng lặng

'Sàkyamuñi : Bậc Tịch Mặc (Hiền Thánh) của giòng họ Thích Ca

**Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính
Giác**

ॐ नमो भगवते धर्मपूज्ये गुरुवैतुर्या प्रभारज्या तथगतया अर्हते सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Ratna : Vật báu (Bảo)

Kusuma : một loài hoa

Ketu : Cây phượng (Tràng)

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE TATHAGATA KULAYA

Kula : Tộc, giòng họ, chủng tộc

Kulaya : Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE PADMA KULAYA

Padma : Hoa sen hồng

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULAYA

Vajra : Kim Cương

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE MANI KULAYA

Mani : Viên ngọc như ý

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE GARJA KULAYA

Garja : Kho tàng, kho tàng

Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc

ॐ नमो देवा ऋषिभ्यः

NAMO DEVA R̥ṢINÀM

Deva : cõi Trời, chư Thiên

R̥ṣi : Tiên, người tiên

R̥ṣinàm : Chúng Tiên

Quy mệnh Chúng Thiên Tiên

ॐ नमो सिद्धा विद्या धाराभ्यः

NAMO SIDDHA VIDYA DHÀRÀNÀM

Siddha : thành tựu

Vidya : Minh, Minh Chú

Dhàra : Cầm giữ (Trì)

Vidyadhàra : Trì Minh

Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh

ॐ नमो सिद्धा विद्याधारा ऋषिभ्यः सपानु ग्रहा समर्थभ्यः

NAMO SIDDHA VIDYADHÀRA R̥ṢINÀM ‘SAPÀNU GRAHÀ SAMARTHÀNÀM

‘Sapànu : Thuận theo sự đáng nguyên rủa

Grahà :Chấp thủ, Sao La Hầu, Cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, sự phá hủy, sự phiền não, Quỷ Thần xấu ác, loài Ma gây phiền não (Túy)

Samartha : Khéo hủy diệt

‘Sapànu grahà samartha : Phá hủy sự phiền não xấu ác . Dịch ý là Nhiếp ác tác thiện

Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên và Chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

ॐ नमो ब्रह्मणे

NAMO BRÀHMAṆE

Bràhma : Phạm Thiên

Bràhmaṇe : Chúng Phạm Thiên

Quy mệnh Chúng Phạm Thiên

ॐ नमो इन्द्राय

NAMO INDRÀYA

Indra : Đế Thích, vị chủ tể của cõi Tam Thập Tam Thiên (Trayastrim'sa) . Cõi này còn gọi là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên

Indràya : Chư Thiên ở cõi Trời Đế Thích

Quy mệnh Chúng Đế Thích Thiên

ॐ नमो भगवते रुद्राय उमापति साहेयाय

NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA

Rudra : Tụ Tại Thiên

Umà : Vợ của Trời Tụ Tại, một vị Nữ Thần trong Ấn Độ Giáo

Patì : Người chủ

Saheya : Quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Tụ Tại Thiên, Thiên Hậu U Ma với hàng quyến thuộc

ॐ नमो नारायणाय लक्ष्मि साहेयाय पाञ्च महा मुद्रा अकामपुत्रा नमस्कृत्याय

NAMO NÀRÀYAṆÀYA LAKṢMI SAHEYÀYA PAṆCA MAHÀ MUDRA
AKÀMAPUTRA NAMASKṚTÀYA

Nàràyaṇa : Na La Diên Thiên. Dịch ý là : Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Tỏa Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên, Tỳ Nữu Thiên (Viṣṇu)

Lakṣmi : Cát Khánh Thiên Nữ (Cát Tường Thiên Nữ) là vợ của Na La Diên Thiên

Pañca : còn ghi là Paṁca tức số 5

Mahà : to lớn (Đại)

Mudra : Ấn, hình thức con dấu biểu thị cho điều gì đó

SARVA DEVE'SCA PARIPÀLITAM

Deve'sca : Hàng Thiên Nữ

Pari là đều khắp. Pàla là hộ giúp, hộ vệ. Paripàlitam là đều hộ vệ

Ngài là đáng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ

ॐ ह्रीं सुग वरु षुवु षुवु ॐ

SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHA KARÌM

Bhùta : Trở nên, trở thành, đã đi qua, quá khứ, sự thật xảy ra, theo đúng sự thật, chính xác, nghiêm chỉnh đúng đắn, tên của 'Siva, thầy tế của Thượng Đế, linh hồn, vong linh tốt xấu, ma quỷ độc ác. Phật Giáo thường dịch là Hóa Sinh Quỷ, Ác Sinh Chúng

Grahà : Quỷ túy, sự phiền não

Nigraha : Không có phiền não nên được dịch là Hay giáng phục

Karim: Tự mình tác làm

Ngài hay giáng phục tất cả loài quỷ ác gây phiền não

ॐ ह्रीं षुवु षुवु षुवु ॐ

PARAVIDYA CCHEDANA KARÌM

Para là cái khác, điều khác. Paravidya là Minh Chú khác

Cchedana hay Ccheda là cắt đứt, chặt đứt

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

ॐ ह्रीं षुवु षुवु षुवु ॐ

DURDATTANÀM SATVÀNÀM DAMAKAM

Durdattanam: Đem lại điều xấu, khó giáng phục

Satvànàm : Chúng Hữu Tình

Damaka : Giáng phục, bẻ gãy. Damakam là giáng phục khắp cả

Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục

ॐ ह्रीं षुवु षुवु षुवु ॐ

Catur là số 4.

A'sitì là số 80.

Sahasra là số 1000

Grahà : Phiền não

Vidhvamsana : tồi hoại, làm cho hư hoại tàn rụi

Ngài hay tồi hoại 84000 phiền não

शुभं विंशतिं नक्षत्रं प्रसदा करि

AṢṬA VIṂ'SATÌNÀM NAKṢṬRÀNÀM PRASÀDA KARÌM

Aṣṭa : Số 8

Viṃ'satì : số 20

Nakṣatra : Tinh tú, ngôi sao

Prasàda : vui vẻ, hoan hỷ

Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ

शुभं मन्त्रं विंशतिं प्रसदा करि

AṢṬÀNÀM MAHÀ GRAHÀNÀM VIDHVAMSANA KARÌM

Aṣṭanàṃ mahà grahànàṃ : 8 Đại phiền não hay làm thương tổn căn lành tu đạo là : lợi, bất lợi (Suy) , nói xấu (Hủy) khen ngợi (Dự) , chê bai (Cơ) , kính trọng (Xưng) , Đau khổ (khổ) , vui sướng (Lạc)

Ngài hay tồi hoại 8 phiền não lớn

सर्वं शत्रुं निवारयि

SARVA 'SATRÙ NIVÀRAṆÌM

'Satrù : Oan gia, oán địch

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

गुरं दुःखं चानां सानि

GURÀM DUḤSVAPNÀNÀM CANÀ'SANÌM

Gura là nặng nề. Guram là các sự nặng nề

Cana'sanim : Không bao giờ ném vào, không bao giờ gửi đến, loại bỏ

Ngài hay loại bỏ giấc mộng xấu ác nặng nề

𑀅𑀲 𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀅𑀲𑀸𑀓 𑀅𑀲𑀸𑀓

VIṢA 'SASTRA AGNI UDAKA UTTRANIM

Viṣa : Chất độc

'Sastra : Dao gậy, khí trượng

Agni : Lửa

Udaka : Nước

Uttrana là băng qua, vượt qua, độ thoát. Uttranim là Tự độ thoát, tự cứu thoát

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước

𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀓𑀸𑀓𑀺

APARAJITAGURÀ

Aprarajita : Vô năng thắng, không có gì không chiến thắng

Agurà : không có sự nặng nề tức nhẹ nhàng khinh an

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀓𑀸𑀓𑀺

MAHÀ CAṄḌANAM

Mahà : To lớn (Đại)

Caṅḍa là bạo nộ, sân nộ. Caṅḍanam là mọi sự bạo nộ

Đại Sân Nộ Mẫu

𑀓𑀸𑀓𑀺 𑀓𑀸𑀓𑀺

MAHÀ DĪPTAM

Dipta là rực sáng. Diptam là uy quang

Đại Uy Quang Mẫu

महा तेज

MAHÀ TEJÀM

Teja là lửa, ánh sáng, năng lực. Tejàm là Uy Diệu

Đại Uy Diệu Mẫu

महा श्वेत ज्वाला

MAHÀ 'SVETÀM JVALA

'Sveta là màu trắng. 'Svetàm là vật có màu trắng

Jvala : ngọn lửa, ánh lửa, quang diễm

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

महा बल श्रिया

MAHÀ BALÀ 'SRÌYA

Bala : Sức lực, sức mạnh

'Sri là điều tốt lành. 'Sriya là nhóm tốt lành, sự cát tường

Đại Lực Cát Tường Mẫu

पण्डरा वसिष्ठ

PANÐARA VASINÌM

Paṇḍara : màu trắng

Vasinìm : quần áo

Bạch Y Mẫu

आर्या तारा

ÀRYA TÀRÀ

Àrya : Vị Thánh, bậc Thánh

Tàrà : Cứu Độ Mẫu, Hiền Độ Mẫu, Đa La Bồ Tát

Thánh Cứu Độ Mẫu

शुक्ल

BHRKUTÌM

Bhr̥kūṭi : Tỳ Câu Chi Bồ Tát, Phần nộ Mẫu

Phần Nộ Mẫu

शिव शरय वज्र मलय विश्रुतं

CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRUTÀM

Civa : Bao trùm. Phủ khắp, Phổ Mãn

Vijaya : Tối Thắng

Vajra : Kim Cương

Malati : bông hoa Malati

Vi'sruta là nghe xa rộng, nổi tiếng, lừng danh, cử hành nghi lễ, ca ngợi tán tụng, tên con trai của Vasudeva, con của Bhavabhùti

Vi'srutàm là danh xưng

Phổ mãn tối thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu

पद्म

PADMÀGMÀM

Padma : Hoa sen hồng, liên hoa

Agmam: Trận chiến, cuộc xung đột

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

वज्र जिह्वक

VAJRA JIHVAKAḤ

Jihva hay jihvaka là cái lưỡi (Thiệt)

Kim Cương Thiệt Mẫu

माल शिवपरजित

MÀLÀ CIVA APARAJITAḤ

Màlà : Vòng hoa, chuỗi Anh Lạc

Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

वज्र दण्डि विशलाका

VAJRA DANḌI VI'SĀLAKA

Daṇḍa hay Daṇḍi là Cây Bổng, cây gậy

Vi'sàlaka : Tên của một Dạ Xoa (Yakṣa) thường dịch là Thiên Thần Lực Sĩ

Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

शान्ता वादेहा पूजिता

'SĀNTĀ VAIDEHA PÙJITĀḤ

'Sànta : Vắng lặng (Tịch Tĩnh) , nhu thiện

Vaideha : hình thức tốt đẹp, Hảo Tướng

Pùjitāḥ : Cúng Dường

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu

सुमि रूपा महा स्वता

SAUMI RÙPA MAHĀ 'SVETĀ

Saumi : Lành tốt , Thiện Hảo

Rùpa : Sắc, hình sắc

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

अर्या तारा महा बला

ĀRYA TĀRĀ MAHĀ BALĀḤ

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

अपरा वज्रशंकरा

APARA VAJRA 'SA ŃKARA CIVAḤ

Apara : Thượng hạng, tối thượng

Vajra : Kim Cương

'Sa ñ kara còn viết là 'Saṃkara , 'sañkara là cái khoá (Toả)

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

वज्र कैमरी कुलंधरी

VAJRA KAUMARÌ KULANDHARÌ

Vajra Kaumarì :Kim Cương Đồng Nữ

Kulandhàrì : Trì Tính Nữ

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

वज्र हस्त

VAJRA HASTÀKA

Vajra Hastàka : Người cầm chày Kim Cương

Kim Cương Thủ Mẫu

महा विद्या तथैकम्पना मालिका

MAHÀ VIDYÀ TATHÀ KAMPAANA MÀLIKAḤ

Mahà Vidyà : Đại Minh

Tathà : Chân, chân thật

Kampana : Rung động nhẹ

Màlikah : Chuỗi Anh Lạc

Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu

कुसुम्भा रत्ना शिवा

KUSUMBHA RATNA CIVA

Kusumbha : Uất Kim hương, màu vàng nghệ , màu của hoa Sufflower

Ratna : vật báu

Civa : Phổ mãn, bao phủ khắp

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

वैरोचन श्रद्धार्थ उषनिशा

VAIROCANA CODÀRTHA UᅀNÌᅀA

Vairocana : Biến Chiếu

Coda : Vượt hơn , trội hơn

Artha : Cửa cái, sự lợi ích, nghĩa lợi

Uṣṇiṣa : Đỉnh kế

Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑

VIJṘMBHAMÀNADA VAJRA

VijṘmbha : Uốn cong, đan dệt, móc nối, gắn chặt

Mànada : Phá hủy sự ngạo mạn, tàn phá sự kiêu hãnh

VijṘmbhamànada : Được dịch là La Sát Thần Nữ

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑

KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ

Kanaka : Vàng (Kim Loại vàng)

Prabhà : Ánh sáng (Quang)

Locana : Chiếu sáng, tỏa sáng, rọi sáng, con mắt, tên vị Phật Mẫu

Kim Quang Nhãn Mẫu

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑

VAJRA TUṘḌIKA

TuṘḍi : Cái mõm, mũi, đầu vôi

TuṘḍika : Vật trang bị với cái đầu vôi, ngọn đuốc (Chúc)

Kim Cương Chúc Mẫu

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑

‘SVETÀKA

‘Svetàka : Màu trắng, kim loại bạc

Bạch Sắc Mẫu

कमलाक्ष

KAMALĀKṢA

Kamala : Hoa sen đỏ

Akṣa hay Akṣi là con mắt

Liên Hoa Nhãn Mẫu

ससिप्रभ

‘SA’SI PRABHĀ

‘Sa’si : Mặt trăng

Nguyệt Quang Mẫu

इत्येति मुद्राणां सर्वे राक्षसं कुरवतु ममास्या

ITYETI MUDRAGAṆAḤ SARVE RAKṢAṂ KURVATTU MAMAŚYA

Ityeti : Như vậy

Mudra : Ấn , dấu hiệu biểu tượng

Mudraṅaḥ : Ấn chúng, mọi ấn

Sarve : Tất cả

Rakṣaṃ : Ủng hộ

Kurvatu : Hành động như một người đầy tớ hay một người đại diện

Kurvattu : Thủ hộ cho

Mamaśya : Chúng tôi

Mọi Ấn như vậy hết thảy đều ủng hộ , thủ hộ cho chúng tôi

II _ HỘI THỨ HAI :

ॐ रसिगणा प्रसस्ता तथगतोऽनिषा ह्रुमं ब्रुमं

OM ṚṢIGAṆA PRA’SASTA TATHĀGATOṢṆIṢA HRUṂ BRUṂ

परिदिशु सभक्षणा करि हुं ह्रुं

PARAVIDYA SAMBHAṢANA KARA HÙM BHRÙM

Paravidya : Bài Minh Chú khác

Sambhakṣana :Hoàn thiện cứu lấy

Kara : Tác làm, tạo tác

Với HùM BhrùM thường hoàn thiện Minh Chú khác

सर्वदुष्टानमस्तम्भाना करि हुं ह्रुं

SARVA DUṢṢANÀM STAMBHANA KARA HÙM BHRÙM

Với HùM BhrùM thường trấn hộ tất cả điều ác

सर्वयक्ष राक्षस ग्राहण विध्वंसना करि हुं ह्रुं

SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀNÀM VIDHVÀMSANA KARA HÙM BHRÙM

Yakṣa : Dạ Xoa, Dược Xoa

Rakṣasa : La Sát

Grahànàm : Mọi sự phiền não

Vidhvamsana : Tội hoại

Với HùM BhrùM thường tội hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não

चतुरासिं ग्राह साहस्रानम विध्वंसना करि हुं ह्रुं

CATUR A'SITÀNÀM GRAHÀ SAHASRÀNÀM VIDHVÀMSANA KARA HÙM BHRÙM

Với HùM BhrùM thường tội hoại 84000 phiền não

अष्टविंशतिनाक्षत्राना प्रसादाना करि हुं ह्रुं

AṢṢA VIM 'SATÀNÀM NAKṢṢRÀNÀM PRASÀDANA KARA HÙM BHRÙM

Với HùM BhrùM thường khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ

शुभं मन्त्राना विध्वंसना करि हुं ह्रुं

ASṬĀNĀM MAHĀ GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARA HŪM BHRŪM

Với Hùm Bhrùm thường tôi hoại 8 phiên nào lớn

𑀓𑀕𑀓𑀕 𑀕

RAKṢA RAKṢA MĀM

Ủng hộ, ủng hộ tôi

𑀢𑀕𑀢

BHAGAVAM

Đức Thế Tôn

𑀢𑀕𑀢𑀕𑀓𑀕𑀓

STHATHĀGATOŚNĪṢA

Ngài là Nhất Thiết như Lai Đỉnh Kế Mẫu

𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓

MAHĀ PRATYU ŅĪRA

Đại Điều Phục Mẫu

𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓

MAHĀ SAHASRA BHŪYE

Bhùyê : Cánh tay

Đại Thiên Tý Mẫu

𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓

SAHASRA ‘SIRṢAI

‘Sirṣai : Cái đầu

Thiên Đầu Mẫu

𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓𑀕𑀓

KOṬI ‘SATA SAHASRA NETRE

Koṭi : Úc, 10 triệu

‘sata : 100 (bách)

sahasra : 1000 (Thiên)

Netre : con mắt (Nhãn)

Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu

अभेद्या ज्वाला तानाढाका महा वाजरोदरा

ABHEDYA JVALA TANATAĐAKÀ MAHÀ VAJRODARA

Abhedya : bên trong cái này (Nội)

Jvala : Lửa tỏa ánh sáng, Quang Diễm

Tana : Đồi sau, hậu duệ

Tađàkà : Sự trắng lệt huy hoàng, nét ngây nga hùng vĩ

Mahà : To lớn

Vajra : kim Cương

Udara : Cái bụng (Phúc)

Vajrodara : tên của một loài La Sát, Kim Cương Phúc (Cái bụng Kim Cương) , kim Cương Tràng (Bộ ruột Kim Cương), Kim Cương Vị (Bao tử Kim Cương)

Nội Diễm Cụ Chủng Tượng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवन मण्डल

TRIBHUVANA MAᅇDALA

Tribhuvana : 3 Cõi (Tam Hữu)

Maᅇdala : Đạo Trường, Đàn Trường

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्तिरभवतु माम

OM SVASTIRBHAVATU MAMA

Om : nhiếp triệu

Svastir : Thịnh vượng, phát đạt, tốt lành

Bhavatu : Có được, đắc được

Mama : Tôi

Hãy khiến cho tôi đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

III) HỘI THỨ BA :

रुजा भय

RÀJA BHAYA

Bhaya : Sự đáng sợ, tai nạn

Nạn vua chúa

रुजा भय

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भय

AGNI BHAYA

Nạn lửa

उदक भय

UDAKA BHAYA

Nạn nước

विष भय

VIṢA BHAYA

Nạn chất độc

शस्त्र भय

'SASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

परिवक्र भय

PARACAKRA BHAYA

Nạn chiến tranh

दुर्भिक्ष भय

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

असनि भय

A'SANĪ BHAYA

Nạn sấm sét

अकाल मृत्यु भय

AKĀLA MR̥TYU BHAYA

Nạn chết yếu không đúng thời

धरणी भूमि कम्प भय

DHARAṆĪ BHUMI KAMPA BHAYA

Dharaṇi : Trái đất, lãnh thổ, mặt đất, khu đất

Bhumi : Mặt đất, khu đất trồng trọt, quốc thổ, địa phận, khu vực, địa điểm , vị trí

Kam̐pa : Sự rung chuyển, lay động

Nạn động đất

उल्कापति भय

ULKOPĀTI BHAYA

Ulkā : Lửa rơi xuống từ Thiên Đường, Hiện tượng nẩy lửa trên trời, sao băng

Upāti : Thêm sự thặng dư, đi băng qua

Ulkopāti : Nơi sao băng đi qua

Nạn sao băng

इन्द्रशुक्र भय

RÀJA DAṄḌA BHAYA

DaṅḌa : Cây bồng, cây gậy , biểu tượng cho hình phạt

Nạn hình phạt của vua chúa

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

NÀGA BHAYA

Nạn Rồng hại

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

VIDYU BHAYA

Vidyu : Điện quang, làn sét

Nạn sét đánh

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

SUPARṆI BHAYA

Suparṇi : Loài chim cực lớn tức Kim Xí Điểu

Nạn Kim Xí Điểu

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

YAKṢA GRAHÀ

Grahà : Chấp thủ, sao La Hầu, cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, Quỷ Thần xấu ác, loài ma gây phiền não (Túy) , sự phá hủy, sự phiền não

Dạ Xoa Túy

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

RÀKṢASA GRAHÀ

La Sát Túy

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

PRETA GRAHÀ

Nạ Quỷ Túy

𑀓𑀧𑀭𑀢𑀺

PI'SÀCA GRAHÀ

Pi'sàca : Loài ăn tinh khí của ngũ cốc với con người. Do loài này hay ở nhà cầu nên dịch là Xí trung Quỷ

Xí trung Quỷ Túy

ଶୁଗ୍ର ସନ୍

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

କୃଷ୍ଣ ସନ୍

KUMBHÀNḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

ସ୍ତମ୍ଭ ସନ୍

PUTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy

କଟପୁତନ ସନ୍

KATAPUTANA GRAHÀ

Kỳ Xú Quỷ Túy

ଶୁକ୍ର ସନ୍

SKANDA GRAHÀ

Thiên Thần Quỷ (Quỷ vẹo môi) Túy

ଅସ୍ମରା ସନ୍

APASMÀRA GRAHÀ

Kiên Vong Quỷ Túy

ଓନ୍ମାଦା ସନ୍

UNMÀDA GRAHÀ

Unmàda : Điên cuồng, thái quá, vượt quá mức, hoang dại, điên rồ quá mức

Điên Cuồng Quỷ Túy

कृशग्रह

CCHÀYA GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

क्रिडाग्रह

CCINḌA GRAHÀ

Cciṇḍa : Quả bầu, quả bí...nên hay dịch là Lô Hình Quỷ (Quỷ có hình cái lò) hay Bình Đại Ma (Loài ma có hình cái bình cái túi)

Lô Hình Quỷ Túy

रवोग्रह

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

उरजा(अशुभ)

ÛRJÀHÀRIṆYÀ

Ûrja : Sức mạnh, năng lực, tinh khí

Ahàraṇya : Ăn nuốt (Thực)

Loài ăn tinh khí

गर्भ(अशुभ)

GARBHÀHÀRIṆYÀ

Garbha : Bào thai

Loài ăn bào thai

जटा(अशुभ)

JATÀHÀRIṆYÀ

Jata : Sinh khí

Loài ăn sinh khí

जिवित(अशुभ)

JÌVITÀHÀRIṆYÀ

Jivita : Thọ mệnh

Loài ăn thọ mệnh

रुधिरहरिण्य

RUDHIRÀHÀRIṆYÀ

Rudhira : Máu huyết

Loài ăn máu huyết

वसहरिण्य

VA'SÀHÀRIṆYÀ

Va'sa : Sự sinh đẻ, nhà chứa (Thanh Lâu) nguồn gốc, sự thêm muốn, có ý định, ước muốn, lời chúc tụng

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

ममसरिण्य

MAMSAHÀRIṆYÀ

Mamsa : Thịt

Loài ăn thịt

मदहरिण्य

MEDÀHÀRIṆYÀ

Meda : Loại thảo mộc có chất như mỡ

Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

मज्जरिण्य

MAJJÀHÀRIṆYÀ

Majja : Xương tủy

Loài ăn xương tủy

वन्तरिण्य

VÀNTÀHÀRIṆYÀ

Vanta : Hơi thở ra vào

Loài ăn hơi thở ra vào

ਸੁਚ੍ਯਹਾਰਿਣ੍ਯ

A'SUCYÀHÀRIṆYÀ

A'suci : Dơ bẩn, không tinh khiết, không trong trắng, hôi hám ghê tởm

A'sucya : Thứ bất tịnh, ám tối

Loài ăn thứ bất tịnh

ਚਿੱਟਹਾਰਿਣ੍ਯ

CITTÀHÀRIṆYÀ

Citta : Tâm, Tập Khởi Tâm, Tâm Thức

Loài ăn Tâm Thức

ਤ੍ਯਸਮ ਸਰਵੇਸ਼ਮ ਸਰਵ ਗ੍ਰਾਹਨਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦਾ ਯਮਿ

TEṢÀṆ SARVEṢÀṆ SARVA GRAHÀNÀṆ VIDYÀṆ CCHINDA YÀMI
KÌLA YÀMI

Teṣàṇ : Như vậy

Sarveṣàṇ : Tất cả loại

Sarva grahànàṇ vidyàṇ : Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não

Cchinda : Cắt đứt, chặt đứt

Yàmi : Nay tôi

Kìla : Giết chết, cấm đoán

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não
thuộc tất cả loại như thế**

ਪਰਿਬ੍ਰਾਜਕਾ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦਾ ਯਮਿ

PARIBRÀJAKA KRṬÀṆ VIDYÀṆ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Paribràjaka : Giác Ngoại Đạo

Krṭàṇ : Sở tác, đã tạo làm

vidyàṇ : Chú Ngữ , Minh Chú

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

ॐ नमो नृसिंहाय नमो ॐ नमो नृसिंहाय नमो

DÀKA DÀKINÌ KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Dàka : Không Hành Nam

Dàkinì : Không Hành Nữ

Theo Ấn Độ thì Dàkinì là một con Quỷ cái tiến hóa trong cảnh giới Thần Thánh. Các Đạo Sư Trung Hoa thì dịch Dàkinì là Ly Mị nhưng theo Tây Tạng thì Dàkinì (Khadroma) là người nữ tiến hóa trong lãnh vực hiện thực cao nhất và biểu thị cho việc hiểu chân lý không che đậy không vướng mắc như hư không nên dịch là Không Hành Nữ. Dàkinì có sứ mệnh hợp nhất những sức mạnh của người Thiên Định giải thoát và đưa vào tiến trình Hữu Hình Hoá (Sàdhana_ Nghi thức thành tựu)

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

महा पशुपति रुद्र नमो ॐ नमो पशुपति रुद्र नमो

MAHÀ PA'SUPATI RUDRA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Mahà pa'supati : Đại Thú Chủ

Rudra : Tự Tại Thiên

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên

तत्वा गरुड साहेय नमो ॐ नमो तत्वा गरुड साहेय नमो

TATVA GARUDA SAHEYA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Tatva : Điều kiện như thế, trạng thái của đồ vật như thế, trở nên như thế

Garuda : Kim Xí Điểu , một loài chim Thần có thần thông biến hóa

Saheya : Quyến thuộc

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Loài Kim Xí Điểu và Quyến thuộc của chúng

महा काल मंत्रगण कर्तव्य विद्या च्छिन्द्यामि किला यामि

MAHÀ KÀLA MÀTRGAᅇA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Mahà Kàla : Đại Hắc Thiên

Màtrgaᅇa : Chúng Âm Mẫu, chúng Quỷ Mẫu

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

कपालिका कर्तव्य विद्या च्छिन्द्यामि

KÀPALIKA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Kàpalika : Độc Lâu Ngoại Đạo

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

जय कर मधु कर सर्वार्थ साधना कर्तव्य विद्या च्छिन्द्यामि

JAYA KARA _ MADHU KARA _ SARVÀRTHA SÀDHANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Jaya : Thắng, vượt hơn

Kara : Việc làm bằng bàn tay, sự tạo tác

Madhu : Ngọt ngào, khoái lạc, diễm lệ, duyên dáng, mật, đường, nước trái cây, rượu của Thiên Thần

Sarva : Tất cả.

Artha : Nghĩa lợi, của cải.

Sàdhana : Nghi thức thành tựu

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिणी कर्तव्य विद्या च्छिन्द्यामि

CATURBHAGINÌ KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Catur : Số 4

VETÀLA GAṆA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vetàla còn ghi là Vetàḍa tức vua của Ma Quỷ, linh hồn, Thiên Thần, Quỷ hút máu, tên người phục vụ của ‘Siva

Phật Giáo thường dịch Vetàla là Khởi Thi Quỷ

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Chúng Khởi Thi Quỷ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

VAJRAPÀṆI KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vajrapàṇi : Cầm chày Kim Cương trong lòng bàn tay tức là vị Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương phòng hộ cho chư Thiên ở 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên)

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

VAJRAPÀṆI GÙHYAKÀDHIPATI KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vajrapàṇi : Kim Cương Thủ

Gùhyaka : Bí mật, ẩn kín

Adhipati : Người chủ

Vajrapàṇi gùhyakàdhipati : Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ tức vị Thần cầm chày Kim Cương theo hầu Đức Phật và thường hay tuyên nói Mật Pháp

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

OM NAMO BHAGAVATE STATHÀGATOṢNÌṢA SITATÀPATRA RAKṢA RAKṢA MÀM SARVA SATVÀNÀMCA SVÀHÀ

**Quy mệnh Kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tán Cái .
Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình thành tựu tốt lành**

IV _ HỘI THỨ TƯ :

भगवं (भगवत्) नमस्तुते

BHAGAVAM SITATÀPATRA NAMOSTUTE

Namostute : Quy mệnh lễ kính

Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn

असितानलार्काः प्रभा स्पृष्टा विकाराः सितपत्रैः ज्वलज्वल

ASITÀNALÀRKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITATÀPATREḤ JVALA
JVALA

Asita : Màu đen, màu tối, màu thẫm sẫm, sự xấu xa nham nhiễm, sự tối tăm dốt nát.

Asita là tên của mọi vị Chủ Tế của bóng tối và Ma Thuật. Một con rắn đen, một Thần Chú của con rắn đen đó. Một kẻ thù dẫu mặt

Asita là tên của một Apsara , tên của mọi Devala hay Asita Devala

Trong trường hợp đặc biệt. Sita là màu trắng, lại xuất hiện chữ Asita để hình thành từ chữ này (Sita) mà có thể là nguyên bản và không cần sự kết hợp giữa A và Sita . Ví dụ như Asura và Sura đều chỉ chung cho hàng Phi Thiên (Tự điển Sanskrit_ English của Monier Williams , tr.120). Như vậy Asita có thể dịch là màu trắng.

Anala : Ngọn lửa linh thiêng

Arkah: Cây cặm của bánh xe

Prabha : Ánh sáng

Sphuṭa : Mở ra, phồng lên, hiển hiện

Vikaca : Chiếu sáng lóng lánh rực rỡ

Sitatàpatreh: Cái lọng màu trắng (Bạch Tản Cái)

Jvala : Ngọn lửa, ánh lửa bập bùng, phóng quang

Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóa ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ , là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng.

दृक् दृक्

DHÀKA DHÀKA

Dhàka : Cái túi, vật chứa, trụ cột, mốc phát xuất hay đến mức, nơi thông báo tin tức, vị trí công tác

Trong bài Minh Chú này thì Dhaka là nơi phát ra ánh sáng rực rỡ nên dịch là Uy Quang

𑄣𑄢𑄣𑄢

VIDHÀKA VIDHÀKA

Vidhàka : Ánh sáng có uy lực chiếu soi tràn khắp nên dịch là Biến Uy Quang

𑄢𑄢𑄢𑄢

DARA DARA

Dara : Chẻ, bổ, xẻ, bẻ gãy nên dịch là Giáng Phục

𑄢𑄢𑄢𑄢

VIDARA VIDARA

Vidara : Xé rách, phá nát, riêng biệt từng mảnh nên dịch là Giáng Phục khắp cả (Biến Giáng Phục)

𑄢𑄢𑄢𑄢

CCHINDA CCHINDA

Cchinda : Cắt đứt

𑄢𑄢𑄢𑄢

BHINDA BHINDA

Bhinda : Xuyên thấu, xỏ qua

𑄢𑄢

HUM̐ HUM̐

Hum̐ : Chúng Tử chỉ sự khủng bố

𑄢𑄢

PHAT̐ PHAT̐

Phat̐ : Phá bại

हे हे कः

HE HE PHAT

He he : Hô triệu

Hô triệu phá bại

अमोघाय कः

AMOGHÀYA PHAT

Amogha : Bất Không. Amoghàya là Bất Không Thiên Sứ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

अप्रतिहातय कः

APRATIHATÀYA PHAT

Apratihata : Vô chướng ngại, không có sự trở ngại

Phá bại không chướng ngại

वाराप्रदाय कः

VARAPRADÀYA PHAT

Vara : Nguyện theo, y theo

Pradàya : Ban cho

Nguyện ban cho phá bại

असुरविदारपाकय कः

ASURA VIDARA PAKÀYA PHAT

Asura : Phi Thiên

Vidara : Xé rách, phá hoại

Paka : Nấu chín, đốt cháy, quay nướng

Vidara pakàya : Đốt cháy phá hoại

Phá bại sự đốt cháy phá hoại của Phi Thiên

सर्वद्वेषः कः

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ

Deva : Hàng Trời, chư Thiên

Devebhyaḥ: Thiên Đẳng, Thiên Chúng

Phá bại tất cả Thiên Chúng

सर्व देवैः कुरु

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả Chúng Rồng

सर्व एकेभ्यः कुरु

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

सर्व एकेभ्यः कुरु

SARVA RĀKṢASEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng La Sát

सर्व राक्षसेभ्यः कुरु

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ

Garuḍa : Loài Chim Thần Kim Xí Điểu

Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu

सर्व गरुडेभ्यः कुरु

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ

Gandharva : Hương Thực Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần Là Nhạc Thần của Trời Đế Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe

Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần

सर्व गन्धर्वैः कुरु

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Phi Thiên

सर्वं किन्नरैः

SARVA KIMNAREBHYAḤ PHAT

Kimnara còn ghi là Kinnara tức là Nghi Thần, Ca Thần, Âm Nhạc Thiên. Hàng này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức

Phá bại tất cả chúng Nghi Thần

सर्वं महोरगैः कुरु

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAT

Mahoraga : Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức Thần Rắn. Đây cũng là Thần âm nhạc

Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần

सर्वं मानुष्यैः कुरु

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAT

Manuṣya : Con người, loài người

Phá bại tất cả Nhân Chúng

सर्वं अमानुष्यैः कुरु

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAT

Amanuṣya : Loài Phi Nhân. Thông thường thì 3 hàng Kim Xí Điều, Nghi Thần, Đại Phúc Hành Thần được gọi là loài Phi Nhân

Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

सर्वं भूतैः कुरु

SARVA BHÛTEBHYAḤ PHAT

Bhùta : Loài Bộ Đa, Hóa Sinh Quỷ

Phá bại tất cả chúng Hóa Sinh Quỷ

सर्वं पिशाचैः कुरु

SARVA PI'SÀCEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Xí Trung Quỷ

सर्व कुम्भान्देभ्यः नमः

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ung Hình Quỷ

सर्व पुनान्देभ्यः नमः

SARVA PŪTANEGBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

सर्व कटपुनान्देभ्यः नमः

SARVA KAṬAPŪTANEGBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

सर्व दुरलम्घ्येभ्यः नमः

SARVA DURLAṆGHYEBHYAḤ PHAṬ

Durlaṅghya : Bị phạm tội, vượt quá quyền hạn của mình, vượt quá vi phạm Pháp Luật. Đây là kẻ có lỗi là tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá

सर्व दुष्प्रेक्ष्येभ्यः नमः

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ

Duṣprekṣita : Kẻ có lỗi là nhìn thấy sai lầm (Ngộ Kiến Quá)

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá

सर्व ज्वरेभ्यः नमः

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

Jvara : Cơn sốt, bệnh sốt, người lãnh đạo và vua của mọi thứ bệnh tật, nỗi đau buồn, tai họa, tinh thần đau khổ, điên cuồng đau khổ

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

सर्व अपस्मारेभ्यः नमः

SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ

Apasmàra : Điên cuồng, mất trí nhớ (Kiện vong) , bệnh động kinh. Đây là một trong 15 loài Quỷ hại trẻ con

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

सर्वं श्रामणेभ्यः कुरु

SARVA 'SRAMANEBHYAH PHAT

'Sramaṇa : Sa Môn Chúng, Trì Chú chúng

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

सर्वं तीर्थिकेभ्यः कुरु

SARVA TÌRTHIKEBHYAH PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

सर्वं उन्मदेभ्यः कुरु

SARVA UNMÀDEBHYAH PHAT

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

सर्वं विद्यार्थेभ्यः कुरु

SARVA VIDYACÀRYEBHYAH PHAT

Càrya : Hạnh , hành.

Vidyacàrya : Minh Hạnh. Xưa dịch là Trì Chú Bác Sĩ

Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh

जयंकरा मधुकरा सक्षय सर्वार्थः विद्यार्थेभ्यः कुरु

JAYÀ KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAH ,
VIDYACÀRYEBHYAH PHAT

Phá bại hàng Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tự, Minh Hạnh chúng

चतुर्भगिणीभ्यः कुरु

CATURBHAGINÌBHYAH PHAT

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

वज्रकौमरीकुलधारी वद्विरुतुः कद

VAJRA KAUMARÌ KULANDHÀRI VIDYARÀYEBHYAḤ PHAṬ

Vajra Kaumarì kulandhàri : Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ

Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương

मह प्रत्युङ्गिरेबध्याः कद

MAHÀ PRATYU ŅĠIREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

वज्रसङ्ख्ये प्रत्युङ्गिरा रजये कद

VAJRA ‘SA ŅKARÀYA PRATYU ŅĠIRA RÀJÀYA PHAṬ

‘Sa ñ kara : Cái khóa (Tỏa)

Vajra ‘sa ñ kara : Kim Cương Tỏa. Xưa dịch là Kim Cương Liên Tỏa

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

मह कालये मृगम नमस्कृतये कद

MAHÀ KÀLÀYA , MÀTRĠGANÀYA NAMAḤSKRTÀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

इन्द्रिये कद

INDRÌYE PHAṬ

Indri : Đế Thích Thiên Phi

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi

ब्रह्मिणेये कद

BRAHMÌÑÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

रुद्रिये कद

RUDRÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi

विष्णवे नमः

VIṢṆAVĪYE PHAT

Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên

विष्णवे नमः

VIṢṆEVĪYE PHAT

Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi

वराहे नमः

VARÀHĪYE PHAT

Varàha : Thần đầu heo

Varàhi : Nữ Thần đầu heo

Phá bại hàng Trư Đầu Thần Nữ

अग्निवे नमः

AGNIYE PHAT

Agna : Ngọn lửa, Hỏa Thiên

Agni : Hỏa Thiên Phi

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

महाकालीवे नमः

MAHÀ KÀLĪYE PHAT

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

रौद्रवे नमः

RAUDRĪYE PHAT

Raudra : Phần Nộ, Phần Nộ Thần

Raudri : Phần Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ

कालीदेवीवे नमः

KÀLA DANḌIYE PHAṬ

Kàla : Hắc Thiên

Danḍa : Cây gậy, cây bông

Kàla danḍa : Hắc Thiên Bông và được dịch ý là Quỷ Sứ Hắc Áo Thần

Phá bại hàng Quỷ Sứ Hắc Áo Thần Nữ

चञ्चल कन्द

AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

मृत् कन्द

MÀTRYE PHAṬ

Phá bại hàng Âm Mẫu

वसुधा कन्द

CÀMUṄḌIYE PHAṬ

Càmuṅḍa : Một hình thức của Nữ Thần Durga, một trong 7 Mẫu là Nộ Thần Nữ, một trong 8 Nàyikà của Durga hay Brahma, tên của một Tác Giả, tên của một Thành Phố.

7 Mẫu : 7 Mẫu Thiên, 7 Mẫu Nữ Thiên, 7 chị em là quyến thuộc của Diêm Ma Thiên hoặc Đại Hắc Thiên gồm có Càmuṅḍa, kauvari, Viṣṇavi, Kaumàri, Indri, Raudri, Bràhmi

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

काल रात्र कन्द

KÀLA RÀTRYE PHAṬ

Kàla Ràṭr : Hắc Dạ (Đêm đen) , Hắc Dạ Thần Nữ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

कपल कन्द

KAPÀLÌYE PHAṬ

Kapàla : Đầu lâu, Độc Lâu Ngoại Đạo, Độc Lâu Thần

Kapali : Độc Lâu Thần Nữ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

शुद्धिमुक्तिं शक्तिं वसिष्ठे नमः

ADHIMUKTIKA 'SMA 'SANA VASINÌYE PHAT

Phá bại hàng Lạc Cư Tủng Gian Nữ (Âm Nữ vui thích ở nơi gò mả và chốn hoang vắng)

ॐ ॐ ॐ वृवृवृ रक्ष रक्ष म

OM_ HÙM BHRÙM BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MÀM

Quy mệnh Hùm Bhrùm. Hãy cột trói Ngoại Chương và Nội Chương. Ủng hộ, ủng hộ cho tôi

V _ HỘI THỨ NĂM :

यनसिद्धिं मम मम दुष्टसिद्धिं पपसिद्धिं रंसिद्धिं वृष्टिसिद्धिं
शुद्धिसिद्धिं उद्वेगसिद्धिं क्लेशसिद्धिं मज्जसिद्धिं रूपसिद्धिं धृष्टसिद्धिं

YENA CITTÀ SATVÀ MAMA : DUṢṬA CITTÀ , PÀPA CITTÀ , RAUDRA CITTÀ , VIDVAIṢA CITTÀ , AMAITRA CITTÀ , UTPÀDAYANTI KÌLAYANTI MANTRAYANTI JAPANTI YUHOTI

Yena : Bởi ai, bởi điều gì, bởi đường nào, trong chỉ thị nào, ở đâu, đến đâu

Citta : Tâm, Tập Khởi Tâm

Satva : Hữu Tình

Mama : Tôi

Duṣṭa citta : Tâm độc ác

Pàpa citta : Tâm tội lỗi

Raudra citta : Tâm phẫn nộ

Vidvaiṣa citta : Tâm giận ghét

Amaitra citta : Tâm không hiền lành (Vô Từ Tâm)

Utpàdayanti : Sinh khởi

Kìlayanti : Cấm đoán

Mantrayanti : Dùng Thần Chú, dùng Mật Ngữ

Japayanti : Chuyển tụng

Yuhoti : Ứng dụng Nghi Thức cúng tế

Phàm có Hữu Tình đối với Ta khởi Tâm độc ác, Tâm gây tội lỗi, Tâm phẫn nộ, Tâm giận ghét, Tâm không hiền lành mà phát khởi sự cấm đoán, đọc tụng Thần Chú cúng bái cầu đảo... để hãm hại

उरजा

ÙRJÀHÀRÀ

Ùrja : Sức mạnh, năng lực, tinh khí, sự siêu phàm

Ahàra : Thâu nhiếp, ăn nuốt

Loài ăn tinh khí

गर्भाहार

GARBHÀHÀRÀ

Loài ăn bào thai

रुधिरहार

RUDHIRÀHÀRÀ

Loài ăn máu huyết

ममसहार

MAMSAHÀRÀ

Loài ăn thịt

मदहार

MEDÀHÀRÀ

Loài ăn Thảo Mộc có chất như mỡ

मूषहार

MAJJÀHÀRÀ

Loài ăn xương tuỷ

𑀓𑀢𑀤𑀓

VA'SÀHÀRÀ

Loài ăn thứ do sinh đẻ

𑀢𑀢𑀤𑀓

JATÀHÀRÀ

Loài ăn sinh khí

𑀢𑀢𑀤𑀓

JÌVITÀHÀRÀ

Loài ăn Thọ Mệnh

𑀓𑀢𑀤𑀓

MALYÀHÀRÀ

Loài ăn tóc

𑀓𑀢𑀤𑀓

BALYÀHÀRÀ

Loài ăn sức lực

𑀢𑀢𑀤𑀓

GANDHÀHÀRÀ

Loài ăn mùi thơm

𑀓𑀢𑀤𑀓

PUṢPÀHÀRÀ

Loài ăn bông hoa

𑀢𑀢𑀤𑀓

PHALÀHÀRÀ

Loài ăn quả trái

सस्यहर

SASYÀHÀRÀ

Loài ăn hạt giống

पापसिद्ध

PÀPA CITTÀ

Loài có tâm gây tội lỗi

दुष्टसिद्ध

DUṢṬA CITTÀ

Loài có Tâm ác độc

देवग्रह

DEVA GRAHÀ

Deva : Thiên, cõi Trời

Graha : Loài Ma (Túy)

Thiên Túy (Loài Ma của hàng Trời)

नगग्रह

NÀGA GRAHÀ

Long Túy

यक्षग्रह

YAKṢA GRAHÀ

Dạ Xoa Túy

रक्षसग्रह

RÀKṢASA GRAHÀ

La Sát Túy

सशुद्ध

ASURA GRAHÀ

Phi Thiên Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

GARUDA GRAHÀ

Kim Xí Điều Túy

ᱚᱠᱚᱨᱚᱰᱚ

KIMNARA GRAHÀ

Nghi Thần Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

MAHORAGA GRAHÀ

Đại Phúc Hành Thần Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

PRETA GRAHÀ

Nga Quỷ Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

PI'SÀCA GRAHÀ

Xí Trung Quỷ Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

PÙTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy

ᱠᱚᱢᱚᱨᱚᱰᱚ

KATAPÙTANA GRAHÀ

Kỳ Xú Quỷ Túy

कुम्भघ्न

KUMBHÀNDA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

स्कन्दघ्न

SKANDA GRAHÀ

Thiên Thần Quỷ Túy (Loài Ma của hàng Quỷ vẹo môi)

उन्मन्दाघ्न

UNMÀNDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

चयाघ्न

CCHÀYA GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

अपस्मरघ्न

APASMÀRA GRAHÀ

Kiến Vong Quỷ Túy

दक्षिणघ्न

DÀKA DÀKINÌ GRAHÀ

Không Hành Quỷ Túy

रवतघ्न

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

जान्घिकाघ्न

JANĠHIKA GRAHÀ

Ja ñ ghika : Con Lạc Đà, một loài Linh Dương

Như Linh Dương Quỷ Túy

ਸ਼ਕੁਨਿ ਗ੍ਰਹ

‘SAKUNI GRAHÀ

‘Sakuna hay ‘Sakuni là con chim

Điều Hình Quỷ Túy

ਨੰਦਿਕਾ ਗ੍ਰਹ

NANDIKÀ GRAHÀ

Nandika : Con chim trống của loài Gia Cầm

Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

ਲੰਬਿਕਾ ਗ੍ਰਹ

LAMBIKA GRAHÀ

Lambika : Con chim cu hay con gà trống của người Ấn Độ

Như Kê Hình Quỷ Túy

ਕਾਣਟਪਾਣਿ ਗ੍ਰਹ

KANṬAPANI GRAHÀ

Kaṇṭa : Cây gai, bụi gai, cây có nhiều gai (Cức)

Pàṇi : Bàn tay

Kaṇṭa pàṇi : Loài Quỷ có bàn tay đầy gai . Đạo Sư Tây Tạng dịch là Trừ Cức Quỷ

Loài Ma của hàng Quỷ có bàn tay đầy gai

ਜਵਾਰਾ ਏਕਾਹਿਕਾ ਦਵਾਇਕਾ ਤ੍ਰੇਤੀਕਾ ਚਤੁਰਥਕਾ

JVARÀ : EKÀHIKÀ , DVAITYAKÀ , TRETIYAKÀ , CATURTHAKÀ

Jvara : Sốt nóng, Quỷ gây ra bệnh sốt rét (Ngược Quỷ)

Ekàhika : 1 ngày phát bệnh 1 lần

Dvaityaka : 2 ngày phát bệnh 1 lần

Tretiyaka : 3 ngày phát bệnh 1 lần

Caturthaka : 4 ngày phát bệnh 1 lần

Quỷ gây bệnh sốt rét : 1 ngày phát 1 lần, 2 ngày phát 1 lần, 3 ngày phát 1 lần, 4 ngày phát 1 lần

ॐ ऋ ऋ ॐ

NITYÀ JVARÀ

Nitya : Thường thường, luôn luôn

Luôn luôn nóng sốt cao (Thường tráng nhiệt)

ॐ ष ष ॐ

VIŞAMA JVARÀ

Vişama : không đồng bộ, không ngang sức, gồ ghề, khó khăn, nguy hiểm, xấu, bất lợi, không công nhận, cấm, gồm ghiếc, kinh khủng

Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

ॐ व व ॐ

VÀTIKÀ

Phong bệnh, bệnh nhiễm gió, bị trúng gió

ॐ प प ॐ

PAITTIKÀ

Bệnh vàng da

ॐ श श ॐ

‘SLEŞMAKÀ

‘Sleşmaka : Đàm rãi, tính phớt đời, sự hài hước hóm hỉnh

Bệnh đàm rãi

ॐ स स ॐ

SAMNIPATIKÀ

Bệnh do mọi thứ hòa hợp

ॐ स स ॐ

SARVA JVARÀ

Tất cả bệnh nóng sốt

सिर्ति

‘SIRORTI

Bệnh đau đầu, bệnh nhức đầu (Đầu Thống)

अर्धवर्ष

ARDHÀVABHEDAKA

Ardha : Một nửa

Avabhedaka : Làm nhức nhối, làm nhức buốt, làm buốt cái đầu

Bệnh đau nửa đầu (Bán Đầu Thống)

अरोका

AROCAKA

Bệnh chảng ăn được

अक्षि

AKṢI ROGAM

Akṣi : Con mắt

Rogam: Bệnh tật, sự hủ bại, suy nhược cơ thể, sự đau yếu

Bệnh đau mắt

मुख

MUKHA ROGAM

Mukha : Cái miệng, cái mồm

Bệnh đau miệng

हृद्रोग

HRDROGAM

Hṛd : Chứng liệt tim, suy tim, linh hồn, sức sống, sức truyền cảm, cá nhân, tâm trí, tinh thần

Bệnh đau toàn thể con người

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

KARNA ‘SÙLAM

Karṇa : Lỗ tai, cái tai

‘Sùlam : Cái giáo, cái thương, cái lao, đâm thủng, chọc thủng, nỗi đau buồn, nỗi sầu khổ, tai họa, tuyệt vọng, đau khổ, sự đau đớn

Đau tai

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

DANTA ‘SÙLAM

Đau răng

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

HRDAYA ‘SÙLAM

Đau tim

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

MARMAN ‘SÙLAM

Marman : Điểm gây chết chóc, phần nhạy cảm của cơ thể, yếu ớt, thiếu nghị lực, dễ bị tổn thương, liều mạng vào nơi nguy hiểm, chỗ yếu. Xưa dịch là đốt xương

Đau buốt đốt xương

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

PÀR’SVA ‘SÙLAM

Đau hông sườn

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

PRṢṬA ‘SÙLAM

Đau lưng

𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲

UDARA ‘SÙLAM

Đau bụng

𑀓𑀲𑀸𑀓

KATI 'SÙLAM

Kati : Eo lưng, mông đít

Đau eo lưng, đau mông đít

𑀓𑀲𑀸𑀓

ÙRU 'SÙLAM

Ùru : Bắp đùi, bắp vế, ống chân, xương ống chân

Đau bắp đùi

𑀓𑀲𑀸𑀓

JAMGHA 'SÙLAM

Đau ống chân

𑀓𑀲𑀸𑀓

VASTI 'SÙLAM

Vasti : Sự tận cùng của cái áo đầm bằng vải, điểm cuối cùng, . Xưa dịch là mắt cá chân (Điểm cuối cùng của ống chân)

Đau mắt cá chân

𑀓𑀲𑀸𑀓

HASTA 'SÙLAM

Đau bàn tay

𑀓𑀲𑀸𑀓

PÀDA 'SÙLAM

Đau bàn chân

𑀓𑀲𑀸𑀓

SARVAGÀPRATYU ÑGIRA 'SÙLAM

Sarvaga : Tỏa khắp tất cả, thâm nhập khắp cả, lan tràn khắp tất cả, nước, Thiên Thần, linh hồn, tên của Bràhma hay 'Siva, có mặt khắp nơi

Apratyu ñ gira : Không thể cứu thoát, không thể điều phục

Đau buốt tất cả chi tiết trên thân không thể chữa khỏi

सुखदुःख

BHUTA VETALA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ (Ma Quỷ nhập vào xác chết đứng dậy đi)

शुक्लशक्ति

DÀKA DAKIÑI

Không Hành Nam và Không Hành Nữ

शुक्ल

JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

दह

DATRÙ

Nhọt do bị cùi hủi

शुक्ल

KANṬYU

Nhọt ghẻ mọc dầy như gai

कण्ट

KIṬṬI

Nhọt do ở bẩn, nhọt do Dời ăn (Tri Thù Sang)

शुक्लदुःख

BHAILOṬÀVAI

Đinh sang

सद्युक्त

SARPALOHÀ

Xâm dâm sang

सर्पल

LI ÑGA

Xích sang

लिंग

‘SOṢATRA

Nhọt do da khô nứt

सर्प

SAGARÀ

Nhọt Trĩ

सर्प

VIṢAYOGA

Cổ độc

सर्प

AGNI

Lửa

अग्नि

UDAKA

Nước

मरुत कान्त

MARA VELÀ KÀNTÀRA

Mara : Sự chết, lúc chết, lúc hấp hối

Velà : Cái vườn

Kàntàra : Khu rừng rậm

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

ਅਕਾਲ ਮਰ੍ਯੁ

AKÀLA MR̥TYU

Chết yếu không đúng thời

ਤ੍ਰਿਸੁਖ

TRAIMUKHA

Một loài trùng

ਤ੍ਰਿਲੋਕ

TRAILÀṬAKA

Một loài mòng

ਵ੍ਰਿਸ਼ਿਕ

VR'SCIKA

Vr'scika : Một loại sâu bướm phủ đầy khắp với lông lỏm chỏm, một loài động vật có nhiều chân, bò cạp

Bò Cạp

ਸਰਪ

SARPA

Rắn

ਨਕੁਲ

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

ਸਿਮਹ

SIMHA

Sư tử

ਵਯਾਹਰ

VYÀGHRA

Cọp

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖈𑖉

RIKṢA TARARIKṢA

Rikṣa : Độc hại, bị thương, gây tai hại, một loại táo, tên ngọn núi, tốt, tuyệt hảo, con gấu. Xưa dịch là gấu ngựa

Tara : Mang qua, phụ giúp mang qua, ở bên kia, vượt xa hơn, tuyệt hảo, ngọn lửa, giỏ áo.

Tararikṣa : Một loài gấu lớn (Bi), gấu heo

Gấu Ngựa, gấu Heo

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖈𑖉

CAMARA

Một loài bò gọi là Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖈𑖉

JIVAKA

Jivaka : Đời sống, người đầy tớ, hành khất, người bắt răn, tên của MumaraBhùta, đời sống ban cho nhân tố, nước.

Jivaka còn được dịch là loài sống dưới nước

Loài sống dưới nước

Nếu dựa theo nghĩa của Bản xưa thì tên những con vật còn thiếu có thể đọc thêm là :

Mèo : Bidàla

Bò : Dhenu

Bò Mộng : Vṛsabha

Chó sói : Vṛka hay Tarakṣa

Cá Ma Kiệt, cá Sấu : Makàra

Cháy rận : Rikṣa

Gấu : Bhallùka

Con ong : Tarala

गण सर्वेषां (मङ्गलपञ्चमं मङ्गलवज्रोष्णं मङ्गलप्रशुभं एव हृदि
अङ्गलकुङ्कुमि

TEṢĀM SARVEṢĀM SITATĀPATRĀM MAHĀ VAJROṢṆIṢĀM MAHĀ
PRATYU ŅĠIRĀM YĀBA DVĀDA'SA YOJANĀBHYANTARĪNA

Vajra : Kim Cương

Uṣṇiṣa : Đỉnh kế

Vajroṣṇiṣa : Kim Cương Đỉnh Kế

Yāba : Cho đến

Dvada'sa : 12

Yojana : Do Tuần, một đơn vị đo lường

Abhyantarina : Ở trong khoảng

Do Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế có năng lực to lớn điều phục tất cả bệnh tật tai nạn như vậy cho đến trong khoảng 12 Do Tuần khiến mọi Tật Nạn ấy tự nhiên lui tan

सिमा बन्धुं करुमि

SĪMA BANDHAM KAROMI

Sīma : Giới Đàn

Bandha : Cột trối

Kara : Tác làm.

Umi : Nay Tôi

Kara + Umi =Karomi (Nay tôi tác làm)

Nay tôi kết buộc Giới

दिसा बन्धुं करुमि

DI'SA BANDHAM KAROMI

Di'sa : Phương hướng

Tôi kết buộc mười phương

प्रविद्यं बन्धं करोमि

PRAVIDYÀ BANDHAM KAROMI

Pravidya : Minh Chú thù thắng, Minh Chú năng thắng

Tôi kết Năng Thắng Minh

तेजो बन्धं करोमि

TEJO BANDHAM KAROMI

Tejo : Nhóm ánh sáng (Quang tụ)

Tôi buộc nhóm ánh sáng

हस्तं बन्धं करोमि

HASTÀ BANDHAM KAROMI

Tôi kết buộc bàn tay

पादा बन्धं करोमि

PÀDA BANDHAM KAROMI

Tôi kết buộc bàn chân

सर्वगतं प्रत्युन्गा बन्धं करोमि

SARVAGA PRATYUNGA BANDHAM KAROMI

Tôi kết buộc tất cả mọi chi tiết

तद्यथा

TADYATHÀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ शंख शंख शिखशिख वधवध वधवध वधवध वधवध वधवध वधवध
कन्द कन्द कन्द कन्द

OM_ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA _ BANDHA BANDHA _
BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀNI PHAT_ HÙM BHRÙM PHAT_
SVÀHÀ

Om: Nhiếp triệu, cảnh giác

Anale : Ngọn lửa linh thiêng, ngọn lửa của Thượng Đế, Ngọn lửa, năng lực siêu phàm

Vi'sada : Sự thanh tịnh

Bandha : Cột trói, cột buộc

Bandhani : Cột buộc

Vaira : Sự chống lại, dũng cảm, can đảm, có năng lực khác thường

Vajrapàni : Kim Cương Thủ. Vị Thần cầm chày Kim Cương

Phạt : Phá bại

Hùm : Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Bhrùm : Chủng Tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

Phạt : Phá bại

Svànhà : Quyết định thành tựu

TÁN THÁN CHÚ :

नमस्तथागतये सुगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये सिद्ध्यन्तु मन्त्रपादा स्वऱहऱ

NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA
SIDDHYANTU MANTRAPÀDA SVÀHÀ

Sugata : Bậc Thiện Thệ, bậc khéo đi đến nẻo lành

Siddhyantu : khiến cho thành tựu

Mantrapàda : Chân Ngôn cú, câu chữ của Chân Ngôn

Svànhà : Viên mãn cát tường

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác . Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú , viên mãn cát tường

Hoàn chỉnh Phạm văn vào ngày 06/06/2006

ĐẠI PHẬT ĐỈNH

THỦ LĂNG NGHIỆM ĐÀ LA NI

Việt dịch : HUYỀN THANH

ĐỀ DANH CHÚ :

**Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thập Năng Điều
Phục Đà La Ni**

I) HỘI THỨ NHẤT :

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát

Quy mệnh bảy ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự lưu

Quy mệnh chúng Nhất Lai

Quy mệnh chúng Bất Hoàn

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả với chúng đạt bốn Hưởng trong Thế Gian

Quy mệnh ba báu Phật, Pháp , Tăng

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng
Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng
Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng
Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ấc Tác Thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, hàng quyến thuộc, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô ái Tử

Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

Kính lễ các hàng ấy xong rồi

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên

Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng

Ngài là Đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ

Ngài hay giáng phục tất cả quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục
Ngài hay ngăn chặn các điều ác
Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời
Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc
Ngài hay chặn đứng tất cả giấc mộng xấu ác
Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Ngài hay tồi hoại tám ngàn phiền não lớn
Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu hãi hùng
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa , nước...
Ngài hay sai khiến tất cả Ấn chúng :
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
Đại Sân Nộ Mẫu
Đại Uy Quang Mẫu
Đại Uy Diệu Mẫu
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
Đại Lực Cát Tường Mẫu
Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu
Phẫn Nộ Mẫu
Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
Kim Cương Thiệt Mẫu
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dưỡng Mẫu

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

Kim Cương Thủ Mẫu

Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

Biển Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

Kim Quang Nhân Mẫu

Kim Cương Chúc Mẫu

Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhân Mẫu

Nguyệt Quang Mẫu

Mọi Ấn như vậy, hết thầy đều ủng hộ thủ hộ cho chúng con

II) HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chủng tử HÙM, BỜ-HỜ-RUM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh
Kế

Với HÙM BHRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

Với HÙM BHRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

Với HÙM BHRÙM thường trừ bỏ tâm ý mê hoặc

Với HÙM BHRÙM thường phá hoại mọi sự ngăn trở

Với HÙM BHRÙM thường hoàn thiện Minh Chú Khác

Với HÙM BHRÙM thường trấn ngự tất cả điều ác

Với HÙM BHRÙM thường tồ hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não

Với HÙM BHRÙM thường tồ hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Với HÙM BHRÙM thường khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

Với HÙM BHRÙM thường tồ hoại tám ngàn phiền não lớn

Hãy ủng hộ! Ủng hộ cho con !

Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Đại Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cự Chủng Tướng Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

Xin hãy khiến cho con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

III) HỘI THỨ BA :

Phàm có mọi tai nạn gây ra từ : Vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, chiến tranh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của vương pháp, Rong độc, sét đánh, Kim Xí Điều...

Lại có sự phiền não do các loài gây ra như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ở trong nhà cầu, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hộp bóng (Ảnh Quỷ) , Quỷ có hình cái túi, Quỷ gây hại cho con nít, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn máu huyết, loài ăn đồ dơ của sự sinh sản, loài ăn thịt, loài ăn thảo mộc có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức...

Nay con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều cùng với quyến thuộc của chúng

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Tác Thắng, Tác Mật, Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lỏa thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ

Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái. Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình đều được thành tựu tốt lành.

IV) HỘI THỨ TƯ :

Cúi đầu con quy mệnh

Bạch Tản Cái Thế Tôn

Hào quang lửa tròn đầy

Màu trắng tinh rực rỡ

Ánh sáng Bạch Tản Cái

Phóng muôn tia long lanh

Uy quang soi mọi chốn
Giáng phục khắp tất cả
Cắt đứt và xuyên thấu
Khủng bố rồi phá bại
Diệt hai chướng trong ngoài
Thành tựu sự tốt lành
Nay hô triệu Phá bại
Hàng Bất Không Thiên Sử
Nguyên ban cho phá bại
Phá bại sự phá hoại của hàng A Tu La
Phá bại tất cả Thiên chúng
Phá bại tất cả chúng Rồng
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng La Sát
Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng Phi Thiên
Phá bại tất cả chúng Nghi Thần
Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần
Phá bại tất cả Nhân chúng (Loài người)
Phá bại tất cả chúng Phi Nhân
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh
Phá bại tất cả chúng Quỷ ở trong nhà cầu
Phá bại tất cả chúng Quỷ có hình ung nhọt
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối

Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ

Phá bại tất cả chúng Ngô Tưởng Quá

Phá bại tất cả chúng Ngô Kiến Quá

Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt

Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh mất trí nhớ

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

Phá bại tất cả chúng Quỷ điên cuồng

Phá bại tất cả chúng Trì Chú Bác Sĩ

Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh của các hàng : Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết
Nghĩa Thành Tự

Phá bại chúng của bốn chị em Thân Nữ

Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tịch Nữ Minh Vương

Phá bại chúng Đại Điều Phục

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên và nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi

Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên

Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi

Phá bại hàng Trư Đầu Thân Nữ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

Phá bại hàng Phần Nộ Thân Nữ

Phá bại hàng Quỷ Súly Hắc Áo Thần Nữ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

Phá bại hàng Âm Mẫu

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

Phá bại hàng Quỷ Nữ vui thích ở nơi gò mả

Quy mệnh HÙM BHRÙM . Hãy cột trời hai chướng trong ngoài và ủng hộ, ủng hộ cho con.

V) HỘI THỨ NĂM :

Phàm có các Hữu Tình đối với ta khởi sinh tâm độc ác, tâm tội lỗi, tâm phần nộ, tâm giận ghét, tâm không hiền lành mà phát ra sự căm đoán, đọc tụng Thần Chú , cúng bái cầu đảo để hãm hại

Lại có các loài gây náo hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn thứ dơ bẩn do sự sinh đẻ, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn tóc, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác...

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của loài Rồng, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của hàng A Tu La, nhóm ma của loài Kim Xí Điểu, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành Thần, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của loài Quỷ ở trong nhà cầu, nhóm ma của loài Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối lạ kỳ, nhóm ma của loài Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của loài Quỷ vẹo môi, nhóm ma của loài Quỷ điên cuồng, nhóm ma của loài Quỷ hộp bóng (Ảnh Quỷ) , nhóm ma của loài Quỷ khiến cho mất trí nhớ, nhóm ma của hàng Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của loài Quỷ náo hại con nít, nhóm ma của loài quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của loài Quỷ có hình con chim, nhóm ma của loài Quỷ có hình như loại gia cầm, nhóm ma của loài Quỷ có hình con gà, nhóm ma của loài Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có loài Quỷ gây bệnh sốt rét : một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần , bốn ngày phát một lần

Lại có các thứ bệnh tật như : thường nóng sốt cao, bệnh nóng sốt gây nguy hiểm, bệnh nhiễm gió, bệnh vàng da, bệnh kéo đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nóng sốt, bệnh đau nhức đầu, bệnh đau nhức nửa đầu, bệnh chẳng ăn được, bệnh đau mắt, bệnh đau miệng, bệnh đau toàn thể thân xác và tâm hồn, bệnh đau tai, bệnh đau răng, bệnh đau tim, bệnh đau đốt xương, bệnh đau hông sườn, bệnh đau lưng, bệnh đau bụng, bệnh đau eo lưng hay mông đít, bệnh đau bắp đùi, bệnh đau ống chân, bệnh đau mắt cá chân, bệnh đau bàn tay, bệnh đau bàn chân, bệnh đau buốt các chi tiết trên thân

Lại có hàng Bộ Đa (Ma Quỷ độc ác) , hàng Khởi Thi Quỷ, Không Hàng Nam , Không Hành Nữ

Lại có các loại ung nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do cùi hủi, nhọt ghẻ mọc đầy như gai, nhọt do Dời ăn, Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, nhọt do da bị khô nứt, nhọt trĩ

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yếu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng trailataka , bò cạp, rắn, chồn dử, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước..

Tất cả tật nạn như trên. Dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại Năng Điều Phục sẽ khiến cho chúng tự nhiên lui tan Trong vòng 12 Do Tuần , tất cả tai nạn bệnh tật ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay ta kết buộc Giới

Kết buộc khắp mười phương

Ta kết Năng Thắng Minh

Ta kết nhóm ánh sáng (Quang Tụ)

Ta kết buộc bàn tay

Ta kết buộc bàn chân

Ta dùng mọi chi tiết

Kết buộc khắp tất cả

Khiến cho các tật nạn

Chẳng thể xâm nhiễu được

Liên nói Thần Chú là ;

OM_ A NA LÊ , A NA LÊ _ VI XÁ ĐÁ, VI XÁ ĐÁ_ BAN ĐA , BAN ĐA _ BAN
ĐA NI , BAN ĐA NI_ VAI RA VA DI-RA BÁ NI , PHẬT _ HÙM , BỒ-HỒ-RUM ,
PHẬT _ SỜ-VA HA

TÁN THÁN CHÚ :

**Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác _ Hãy
khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú viên mãn cát tường**

04/ 01/ 2002

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Văn : HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT

ॐ नमो सत्तागतया सुगतया सम्यक्संबुद्धया

_ NAMO STATHAGATAYA SUGATAYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHAYA

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमः सर्व बुद्धब्रह्मसंघः

_ NAMAH SARVA BUDDHA BODHISATVEBHIAH

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

ॐ नमो सप्तानाम् सम्यक्संबुद्धा कोटिनाम् सास्रवका
संघानाम्

_ NAMO SAPTANAM SAMYAKSAMBUDDHA KOTINAM_ SA'SRAVAKA
SAMGHANAM

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn
Tăng

ॐ नमो लोके अरहन्तानाम्

_ NAMO LOKE ARHANTANAM

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

ॐ नमो श्रोतपन्नानाम्

_ NAMO SROTAPANNANAM

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

ॐ नमो श्रुतश्रवणानाम्

_ NAMO SUKṚTĀGĀMĪNĀM

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

ॐ नमो सुकृतगमिने

NAMO ANĀGĀMĪNĀM

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả

ॐ नमो अनगमिने सम्यक्प्रतिपन्ने

_ NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAKPRATIPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hưởng trong Thế Gian

ॐ नमो लोके सम्यग्गतेभ्यो

_ NAMO DEVA ṚṢĪNĀM

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

ॐ नमो देवेभ्यो ऋषिभ्यो

_ NAMO SIDDHA VIDYĀDHĀRĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

ॐ नमो देवेभ्यो ऋषिभ्यो सिद्धविद्याधारिभ्यो

_ NAMO SIDDHA VIDYĀDHĀRA ṚṢĪNĀM_ 'SAPĀNU GRAHĀ SAHASRA MATHĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ấc Tác Thiện

ॐ नमो सिद्धविद्याधारिभ्यो ऋषिभ्यो सप्तानुग्रहासहस्रमथिनेभ्यो

_ NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

ॐ नमो ब्रह्मणे

_ NAMO INDRĀYA

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

ॐ नमो इन्द्राय रुद्राय उमापति सहयेय

_ NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

नमो भगवते नारायणाय पञ्चमहासुत्रं महासुत्रं नमस्कृत्य

_ NAMO BHAGAVATE NÀRAYANÀYA PAMCA MAHÀ MUDRA
AKÀMAPUTRA NAMASKRTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

नमो भगवते महाकालाय त्रपुरा नगरा विदरापणाय महासुत्रं
विदरापणाय महासुत्रं नमस्कृत्य

_ NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TRPURA NAGARA
VIDARAPANA KÀRÀYA_ ADHIMUKTIKA 'SMA'SANA VASINI MÀTRGAᅇA
NAMASKRTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi
kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

नमो भगवते तथगतकुल्य

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

नमो पद्मकुल्य

_ NAMO PADMA KULÀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

नमो वज्रकुल्य

_ NAMO VAJRA KULÀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

नमो मणिकुल्य

_ NAMO MAᅇI KULÀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

नमो गरजकुल्य

_ NAMO GARJA KULÀYA

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

नमो भगवते द्रुध्यासुरासना धरुणाय नमस्कृत्य

_ NAMO BHAGAVATE DRDHA 'SURASENA PRAHARANA RÀJÀYA
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mạnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अमिताभय तथगतये अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अक्षय्य तथगतये अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अश्रुत्युर वैश्रवण धरु इत्ये नमो भगवते अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GÜRÜ VAITÜRYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते संपुष्पे इत्ये नमो भगवते अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPITÀ SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते शक्यमुने नमो भगवते अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते रत्नकुसुमकेतु इत्ये नमो भगवते अरहते सम्यक्संबुद्धये

_ NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते

_ EBHYO NAMAḤSKṚTVĀ

Kính lễ các Đấng ấy xong rồi

ॐ इदं भगवते सत्पुत्राणां सुतं नमः

_ IDAṀ BHAGAVATE , SATHĀGATA UṢṢĪṢĀ , SITĀTĀPATRAM NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

सर्वभूता ग्राहणिकारिणि

_ APARĀJITAM PRATYU ṄGIRA

Ngài là Vô Năng Thắng Thâm Năng Điều Phục Mẫu

सर्वदुःखहरणकारिणि

_ SARVA BHŪTA GRAHĀ NIGRAHĀ KARĪM

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

परविद्या क्लेशहरिणि

_ PARAVIDYĀ CCHEDANA KARĪM

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

सर्वकालमृत्युप्रासामानकारिणि

_ ĀKĀLA MR̥TYU PRA'SĀMANA KARĪM

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

सर्वबन्धनमुक्तकारिणि

_ SARVA BANDHANA MUKṢANA KARĪM

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

सर्वदुष्टदुःस्वप्ननिवृत्तकारिणि

_ SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVĀRAṆĪM

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

चतुरस्रिंशत्सहस्रं विध्वंसकारिणि

_ CATUR A'SITĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHVAMṢANA KARĪM

Ngài hay tối hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

ਸ਼ੁੱਠ ਵਿੰਸਤੀਨੰ ਨਕਸ਼ਤਰੰ ਪ੍ਰਸਾਦਨ ਕਰੀ

_ AṢṬA VIM'SATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

ਸ਼ੁੱਠੰ ਮਨ ਗ੍ਰਹਣੰ ਵਿਭ੍ਰਮਨ ਕਰੀ

_ AṢṬANAM MAHĀ GRAHĀNĀM VIDHVAMṢANA KARĪM

Ngài hay tồ hoại tám phiến não lớn

ਸਰ੍ਵ ਸਿਕੁ ਭਵੰਤੀ

_ SARVA 'SATRŪ NIVĀRANĪM

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

ਗੁਰੰ ਦੁःਸੁ ਖਨੰ ਯਨ ਸਿਕੁ .

_ GURĀM DUḤSVAPNĀNĀM CANĀ'SANĪM

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

ਵਿਖ ਸਿਸੁ ਸਿਖ ਤਦਕੁ ਤਵੰਤੀ

_ VIṢA , 'SĀSTRA , AGNI , UDAKA UTTRANĪM

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...

ਸਪ੍ਰਾਯਗੁਰੁ

_ APARAJĪTA AGURĀ

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

ਮਨ ਵਲ ਵਸੰਤ

_ MAHĀ BALĀ CANDĀNĀM

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

ਮਨ ਦੀਪ੍ਰ

_ MAHĀ DĪPTĀM

Đại Uy Quang Mẫu

ਮਨ ਯਦੁ

_ MAHĀ TEJĀM

Đại Uy Diệu Mẫu

महा स्वत ज्वाला

_ MAHÀ 'SVETA JVALA

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

महा बलश्री

_ MAHÀ BALÀ 'SRÌYA

Đại Lực Cát Tường Mẫu

पण्डारवाशिनम्

PANḌARAVAṢINIM

Bạch Y Mẫu

शुभ्रार्य

_ ÀRYA TÀRÀ

Thánh Cứu Độ Mẫu

भृकुटि

_ BHRKUTÌM

Phần Nộ Mẫu

शिवविजय वज्रमाला विश्रुतम्

_ CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VISRÙTAM

Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

पद्मश्री

_ PADMA AGMAM

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

वज्रशिव

_ VAJRA JIHVAKAḤ

Kim Cương Thiệt Mẫu

मालाशिवपारजिता

_ MÀLA CIVA APARAJITAḤ

Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

वज्र दण्डं विषालका

_ VAJRA DANḌI VI'SALAKA

Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

शिव ईश्वर प्रणवः

_ 'SĀNTĀ VAIDEHĀ PŪJITĀḤ

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dưỡng Mẫu

समिप्य मन शिव

_ SAUMI RŪPA MAHĀ 'SVETĀ

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

शुभं नृ मन वज्र

_ ĀRYA TĀRĀ MAHĀ BALĀḤ

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

शुभं वज्र शिव शिवः

_ APARA VAJRA 'SA ŅKARA CIVĀḤ

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

वज्र कैमरे कुलधरि

_ VAJRA KAUMARĪḤ KULANDHĀRĪ

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

वज्र हस्तक

_ VAJRA HASTAKA

Kim Cương Thủ Mẫu

विद्या कम्पना मालिका

_ VIDYA KAṂPANA MĀLIKAḤ

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

कुसुम्भा रत्ना शिव

_ KUSUMBHA RATNA CIVĀ

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

वैरोचन कदधउग्रुष

_ VAIROCANA CODÀRTHA UṢṢIṢA

Biển Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

विजम्ब मन्दर वज्र

_ VIJṢMBHA MÀNADA VAJRA

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

कनक प्रभ लोचनः

_ KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ

Kim Quang Nhân Mẫu

वज्र तुण्डिक

_ VAJRA TUNḌIKA

Kim Cương Chúc Mẫu

श्वेतक

_ 'SVETAKA

Bạch Sắc Mẫu

कमलक

_ KAMALÀKṢA

Liên Hoa Nhân Mẫu

शिव प्रभ

_ 'SA'SI PRABHÀ

Nguyệt Quang Mẫu

उग्र मुद्रा गणः सर्वे रक्षन्तु माम्

_ ITYETE MUDRA GAṆAḤ SARVE RAKṢAM_ KURVATTU MAMAṢYA

Hết thấy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

इन्दन माम्

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI

ॐ ऋषिगण प्रसिध्द नक्षत्रशुद्धं ॐ ॐ

_ OM_RṢĪGAṆA , PRA'SASTRA TATHĀGATA UṢNĪṢAM _ HÙM ṬRÙM

Quy mệnh chủng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh
Kế

ॐ ॐ ॐ ॐ

_ JAMBHANA_HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

ॐ ॐ ॐ ॐ

_ STAMBHANA_HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

_ PARAVIDYĀ SAMBHAḶṢAṆA KARA_HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SARVA DUṢṬAM STAMBHANA KARA HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường trấn ngự các điều ác

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

_ SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHAVAMṢANA KARA_HÙM
ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

_ CATUR A'SITĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHAVAMṢANA KARA_
HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

ॐ ॐ ॐ

_ RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

भगवं

_ BHAGAVAM

Đức Thế Tôn

स्यगताशुष

_ STATHÀGATA UŞNÌŞA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu

प्रत्युङ्गिरे

_ PRATYU ÑGIRE

Điều Phục Mẫu

महासहस्रशुभ

_ MAHÀ SAHASRA BHÙJE

Đại Thiên Tý Mẫu

सहस्रसिंघ

_ SAHASRA 'SIRŞAI

Thiên Đầu Mẫu

कोटिसहस्रशुभ

_ KOŢI 'SATA SAHASRÀ NETRE

Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu

अभेद्याज्वालितानादाका महावज्रोदारा

_ ABHEDYA JVALI TANATAĐÀKA MAHÀ VAJROĐÀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tượng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवनमण्डल

_ TRBHUVANA MAÑDALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्त्यस्तु

_ OM_ SVASTIRBHAVATU

Hãy khiến cho đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

इन्धना ममशु

_ INDHANA MAMAŞYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III. HỘI THỨ BA

राजा भय

RÀJA BHAYA

Nạn vua chúa

कुरा भय

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भय

AGNI BHAYA

Nạn lửa thiêu đốt

उदक भय

UDAKA BHAYA

Nạn nước cuốn trôi

विष भय

VIŞA BHAYA

Nạn thuốc độc

शस्त्र भय

'SASTRA BHAYA

Nạn đao gậy

परक भय

PARAKA BHAYA

Nạn quân binh

दुर्भिक्ष भय

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

असनि भय

A'SANI BHAYA

Nạn sấm sét

अकाल मृत्यु भय

AKĀLA MṚTYU BHAYA

Nạn chết không đúng thời

धरणी भूमि कम्प भय

DHARAṆI BHUMI KAMPA BHAYA

Nạn động đất

उल्कापति भय

ULKOPĀTI BHAYA

Nạn trên đường đi nguy hiểm

राजदण्ड भय

RĀJA DAṆḌA BHAYA

Nạn bị hình phạt của vua chúa

नाग भय

NĀGA BHAYA

Nạn do loài Rồng gây hại

विद्यु भय

VIDYU BHAYA

Nạn sét đánh

सुपर्ण भय

SUPARṆI BHAYA

Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra

यक्ष ग्रह

_ YAKṢA GRAHÀ

Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)

रक्षस ग्रह

RÀKṢASA GRAHÀ

Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

प्रेत ग्रह

PRETA GRAHÀ

Nga Quỷ Túy

पिप्पल ग्रह

PI'SÀCA GRAHÀ

Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

भूत ग्रह

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

कुम्भ ग्रह

KUMBHAṆḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

पुन ग्रह

PUTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy

कटपुन ग्रह

KATÀ PUTANA GRAHÀ

Kỳ Xú Quỷ Túy

स्कन्द ग्रह

SKANDA GRAHÀ

Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

अपस्मर ग्रह

APASMÀRA GRAHÀ

Kiên Vong Quỷ Túy

उन्मदा ग्रह

UNMÀDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

अक्ष ग्रह

CCHÀYÀ GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

रेवति ग्रह

REVATI GRAHÀ.

Não Nhi Quỷ Quý

उरजा अरिण्या

_ ÛRJA AHÀRIᅇYÀ

Loài ăn tinh khí

गर्भा अरिण्या

GARBHA AHÀRIᅇYÀ

Loài ăn bào thai

रुधिरा अरिण्या

RUDHIRA AHÀRIᅇYÀ

Loài ăn máu huyết

ममसा अरिण्या

MÀMSA AHÀRIᅇYÀ

Loài ăn thịt

मेदा अरिण्या

MEDA AHÀRIᅇYÀ

Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

मज्झिमसुत्त

MAJJA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn xương tủy

जट्ठसुत्त

JATA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn sinh khí

जीवितसुत्त

JÌVITA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn Thọ Mệnh

वणिसुत्त

VANTA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn hơi thở ra vào

वससुत्त

VA'SA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

असुक्तसुत्त

A'SUCYA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn thứ bất tịnh

चित्तसुत्त

CITTA AHÀRIṆYÀ.

Loài ăn tâm thức

तसं सर्वसं सर्वं ग्राहणं विदुः कश्चिदपि नीलदधि

_ TEṢÀṀ SARVEṢÀṀ_ SARVA GRAHÀNÀṀ VIDYÀṀ CCHINDHA YÀMI, KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

परिव्रजका कृतं विदुः कश्चिदपि नीलदधि

_ PARIBRÀJAKA KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

ॐ ढकिनि कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि , किला यामि

_ DÀKINÌ KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

मह पसुपति रुद्र कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ MAHÀ PA'SUPATI , RUDRA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

नारायण कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ NÀRAYANA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

तट्ट गरुड कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ TATVA GARUḌA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều

महा काला मातृगणा कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ MAHÀ KÀLA MÀTRGAṆA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

कपालिका कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ KÀPALIKA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lôu Ngoại Đạo

जय कर मधु कर सार्वथ सधना कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANA KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिनी कृतम विद्याम च्छिन्दा यामि

_ CATUR BHAGINÌ KṚTAM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

भृगुरीति नन्दिकेश्वर गणपति सहस्र शंखेन्द्र कश्यप कलदम्भ

_ BHRṆGIRITIKA , NANDIKE'SVARA , GAṆAPATI SAHEYA KRTAM VIDYAM CCHINDA YAMI , KILA YAMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đẩu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

नग्नश्रमण शंखेन्द्र कश्यप कलदम्भ

_ NAGNA 'SRAMAṆA KRTAM VIDYAM CCHINDA YAMI , KILA YAMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỗa Thế

अरहन्त शंखेन्द्र कश्यप कलदम्भ

_ ARHANTA KRTAM VIDYAM CCHINDA YAMI , KILA YAMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

वतलग्न शंखेन्द्र कश्यप कलदम्भ

_ VETÀLAGAṆA KRTAM VIDYAM CCHINDA YAMI , KILA YAMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

वज्रपद्मगुह्यकधर शंखेन्द्र कश्यप कलदम्भ

_ VAJRAPÀṆI GÙHYAKA ADHIPATI KRTAM VIDYAM CCHINDA YAMI , KILA YAMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

रक्षारक्ष मभगवत

_ RAKṢA RAKṢA MAM_ BHAGAVAM

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

इन्धन ममश्रु

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV. HỘI THỨ TƯ

भगवत श्वगतश्रुषमगपय नमस्तुत

_ BHAGAVAM STATHÀGATA UṢṆIṢA SITÀTAPATRA NAMO STUTE

Quy mệnh kính lễ Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Bạch Tản Cái Thế Tôn

ਸੁਸਿਤਾਨਲਾਅਰਾਕਾ ਖੁਰ ਖੁਰ ਘੋਰ ਘੋਰ ਸਿਤਾਪਤ੍ਰੇਃ ਜਵਾਲਾ ਜਵਾਲਾ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ
ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ

_ ASITA ANALA ARAKÀḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITÀTAPATREḤ_
JVALA JVALA_ DARA DARA_ VIDARA VIDARA_ CCHINDA CCHINDA_ HÙM
HÙM HÙM HÙM HÙM_ PHATṬ PHATṬ PHATṬ PHATṬ PHATṬ_ SVÀHÀ

Aṣita anala arakàḥ prabha sphuṭa vikaca sitàtapatreḥ jvala jvala: Ngọn lửa
linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của
Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

Dara dara: Giáng phục

Vidara vidara: Giáng phục khắp

Cchinda cchinda: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

Hùm hùm hùm hùm hùm : Chủng tử chỉ sự khủng bố các chướng ngại

Phatṭ phatṭ phatṭ phatṭ phatṭ: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

Svàhà: Quyết định thành tựu

ਹੁੰਮ ਹੁੰਮ

_ HEHE PHATṬ

Hô Triệu phá bại

ਸੁਸਮਘਯ ਹੁੰਮ

_ AMOGHÀYA PHATṬ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

ਸੁਖਪ੍ਰਿਯਯ ਹੁੰਮ

_ APRATIHAṬÀYA PHATṬ

Phá bại không chướng ngại

ਵੀ ਖਯ ਹੁੰਮ

_ VARA PRADÀYA PHATṬ

Nguyện ban cho phá bại

ਸੁਸੁਰਿ ਘੋਰਿ ਖਯ ਹੁੰਮ

_ ASURA VIDARAPAKÀYA PHATṬ

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

सर्व देवैः क्लृप्तः

_ SARVA DEVEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả Thiên Chúng

सर्व ऋगैः क्लृप्तः

_ SARVA NÀGEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Rồng

सर्व यक्षैः क्लृप्तः

_ SARVA YAKṢEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

सर्व गन्धर्वैः क्लृप्तः

_ SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

सर्व असुरैः क्लृप्तः

SARVA ASUREBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng A Tu La (Phi Thiên)

सर्व गरुडैः क्लृप्तः

SARVA GARUDEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu

सर्व किम्बरेणैः क्लृप्तः

SARVA KIMNAREBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Khẩn Na La (Nghì Thần)

सर्व महोरगैः क्लृप्तः

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Ma Hầu La Già (Đại Phúc Hành Thần)

सर्व राक्षसैः क्लृप्तः

SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng La Sát

सर्वमनुष्यैः कुरु

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả loài người

सर्वअमनुष्यैः कुरु

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

सर्वपुत्रैः कुरु

_ SARVA PUTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

कटपुत्रैः कुरु

_ KAṬAPUTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

सर्वदुर्लभैः कुरु

_ SARVA DURLAMGHYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá (kẻ có lỗi do tưởng sai lầm)

सर्वदुष्प्रेक्षैः कुरु

_ SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (Kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

सर्वज्वरैः कुरु

_ SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

सर्वअपस्मरैः कुरु

_ SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

सर्वश्रमणैः कुरु

_ SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

सर्व तीर्थेशुः क्लृप्त

_ SARVA TĪRTHIKEBHAYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

सर्व उन्मदेशुः क्लृप्त

_ SARVA UNMÀDEBHAYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

सर्व विद्या राजा चर्येशुः क्लृप्त

_ SARVA VIDYÀ RÀJA CÀRYEBHAYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

जय करि मधु करि सर्वार्थ साधनेशुः क्लृप्त

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANEBHAYAḤ PHAT

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tự

विद्या चर्येशुः क्लृप्त

_ VIDYÀ CÀRYEBHAYAḤ PHAT

Phá bại chúng Minh Hạnh

चतुर्भगिनीशुः क्लृप्त

_ CATUR BHAGINÌBHAYAḤ PHAT

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

वज्र कैमरीशुः क्लृप्त

VAJRA KAUMARÌKEBHAYAḤ PHAT

Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ

वज्र कुलवरीवज्र

VAJRA KULANDHÀRÌBHAYAḤ PHAT

Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ

विद्या राजेशुः क्लृप्त

VIDYÀ RÀJEBHAYAḤ PHAT

Phá bại chúng Minh Vương

मह प्रत्युङ्गिरुः क्ल

_ MAHÀ PRATYU ÑGIREBHYAḤ PHATṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

वज्रसङ्ख्य क्ल

VAJRA SA ÑKARÀYA PHATṬ

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa

मह प्रत्युङ्गिरुः क्ल

MAHÀ PRATYU ÑGIRA RÀJÀYA PHATṬ

Phá bại hàng Đại Điều Phục Vương

मह क्लिय मृगम नमस्कृत्य क्ल

_ MAHÀ KÀLÀYA , MÀTRGAṆA NAMAḤSKRTÀYA PHATṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Am Mẫu

वृषण्य क्ल

_ VIṢṆAVÌYE PHATṬ

Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên

ब्रह्मण्य क्ल

_ BRAHMÌÑIYE PHATṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

अग्न्य क्ल

_ AGNÌYE PHATṬ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

मह क्लिय क्ल

_ MAHÀ KÀLÌYE PHATṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

कल दण्य क्ल

_ KÀLA DANḌIYE PHATṬ

Phá bại hàng Quỷ Súly Hắc Áo Thần Nữ

चिन्द्रीय कन्द

_ AINDRIYE PHAT

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

कामुण्डिय कन्द

_ CAMUNḌIYE PHAT

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

रौद्रिय कन्द

_ RAUDRIYE PHAT

Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ

कालरात्रिय कन्द

_ KÀLA RÀTRIYE PHAT

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

कपलिय कन्द

_ KÀPALIYE PHAT

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

अधिमुक्तक श्मशान वसिणिय कन्द

_ ADHIMUKTOKA 'SMA'SANA VASINIYE PHAT

Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò mả và chốn hoang vắng

उधन ममश्रु

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM

येके सित्त सत्त्वा ममा

_ YEKE CITTÀ SATVA MAMA

Phàm có Hữu Tình khởi tâm đối với ta

दुष्टचित्त

_ DUṢṬA CITTÀ

Tâm độc ác

रौद्रचित्त

RAUDRA CITTÀ

Tâm phẫn nộ

उरजाहार

_ URJA AHÀRÀ

Loài ăn tinh khí

गर्भाहार

GARBHA AHÀRÀ

Loài ăn bào thai

रुधिरहार

RUDHIRA AHÀRÀ

Loài ăn máu huyết

मज्जाहार

MAJJA AHÀRA

Loài ăn Xương tủy

जटाहार

JATA AHÀRÀ

Loài ăn sinh khí

जीवितहार

JÌVITA AHÀRÀ

Loài ăn thọ mệnh

बाल्यहार

BALYA AHÀRÀ

Loài ăn sức lực

गन्धार्

GANDHA AHÀRÀ

Loài ăn mùi thơm

पुष्पार्

PUṢPA AHÀRÀ

Loài ăn bông hoa

फलार्

PHALA AHÀRÀ

Loài ăn quả trái

सस्यार्

SASYA AHÀRÀ

Loài ăn hạt giống

पप रिक्

PÀPA CITTÀ

Tâm tội lỗi

दुष्ट रिक्

DUṢṬA CITTÀ

Tâm độc ác

रौद्र रिक्

RAUDRA CITTÀ

Tâm giận dữ

अमित्र रिक्

AMAITRA CITTÀ

Tâm không hiền lành

यक्ष ग्रह

_ YAKṢA GRAHÀ

Dạ Xoa Túy

ରକ୍ଷସ ଗ୍ରହ

RÀKṢASA GRAHÀ

La Sát Túy

ଅଗ ଗ୍ରହ

PRETA GRAHÀ

Nga Quỷ Túy

ଧିମିସ ଗ୍ରହ

PI'SÀCA GRAHÀ

Xí Trung Quỷ Túy

ଭୁଗ ଗ୍ରହ

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

କୁମ୍ଭାଣ୍ଡ ଗ୍ରହ

KUMBHÀNḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

ଶୁକ୍ର ଗ୍ରହ

SKANDA GRAHÀ

Thiên Thân Quỷ Túy

ଓମ୍ ଗ୍ରହ

UNMÀDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

କ୍ଷୟ ଗ୍ରହ

CCHÀYÀ GRAHÀ

Ánh Quỷ Túy

ମୁସ୍ମାରା ଗ୍ରହ

APASMÀRA GRAHÀ

Kiên Vong Quỷ Túy

दकदकिणी ग्रह

DÀKA DÀKINÌ GRAHÀ

Không Hành Quỷ Túy

रवत ग्रह

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

जङ्घिका ग्रह

JA NĠGHKA GRAHÀ

Như Linh Dương Quỷ Túy

शकुनि ग्रह

'SAKUNI GRAHÀ

Điều Hình Quỷ Túy

नानिका ग्रह

NANDIKÀ GRAHÀ

Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

लम्बिका ग्रह

LAMBIKA GRAHÀ

Như Kê Hình Quỷ Túy

कण्ठपानि ग्रह

KANṬAPÀNI GRAHÀ

Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai

ज्वर

_ JVARA

Quỷ gây bệnh nóng sốt

एकदिका

EKÀHIKÀ

Một ngày phát bệnh một lần

द्विदश

DVAITYAKÀ

Hai ngày phát bệnh một lần

त्रिदश

TRETYAKÀ

Ba ngày phát bệnh một lần

चतुर्दश

CATURTHAKÀ

Bốn ngày phát bệnh một lần

नित्यं ज्वरः

NITYÀ JVARA

Luôn luôn nóng sốt cao

विषमं ज्वरः

_ VIṢAMA JVARA

Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

वतिक

VÀTIKÀ

Phong bệnh

पित्तिक

PAITTIKÀ

Bệnh vàng da

श्लेष्मिक

'SLEṢMIKÀ

Bệnh đàm rãi

संनिपतिक

SÀMNIPATIKÀ

Bệnh do mọi thứ hòa hợp

सर्वज्वर

SARVA JVARÀ

Tất cả bệnh nóng sốt

शिरूर्ति

'SIRORTTI

Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)

अर्धवभद्रक

ARDHÀVABHADAKA

Bệnh đau nhức nửa đầu

अरोचक

AROCAKA

Bệnh chẳng ăn được

अक्षि रोग

AKṢI ROGAM

Bệnh đau mắt

मुख रोग

MUKHA ROGAM

Bệnh đau miệng

हृद्रोग

HRDROGAM

Bệnh đau toàn thể con người

ग्रह सुल

GRAHÀ 'SÙLAM

Đau nhức do Ma Quỷ gây ra

मर्म सुल

MARMAN 'SÙLAM

Đau buốt xương

पश्च सुवं

PÀR'SVA 'SÙLAM

Đau hông sườn

पृष्ठ सुवं

PRṢṬA 'SÙLAM

Đau lưng

उदर सुवं

UDARA 'SÙLAM

Đau bụng

कटि सुवं

KAṬI 'SÙLAM

Đau eo lưng, đau mông đít

वक्ष सुवं

VASTI 'SÙLAM

Đau mắt cá chân

ऊरु सुवं

ÙRU 'SÙLAM

Đau bắp đùi

शङ्ख सुवं

JAMGHA 'SÙLAM

Đau ống chân

हस्त सुवं

HASTA 'SÙLAM

Đau bàn tay

पदा सुवं

PÀDA 'SÙLAM

Đau bàn chân

सर्वप्रत्यङ्गिरसुलम्

SARVAGA PRATYU NGIRA 'SÙLAM

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

सुगवत

_ BHÙTA VETÀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

दकिनि

DÀKINÌ

Không Hành Nữ

ज्वर

_ JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

दत्रु

DATRÙ

Nhọt do cùi hủi

कण्ट्यु

KANṬYU

Nhọt ghẻ mọc dầy như gai

किट्टि

KIṬṬI

Nhọt do đời ăn , nhọt do ở bẩn

भैलोटवै

BHAILOTÀVAI

Đinh Sang

सर्पालोहा

SARPALOHÀ

Xâm Dâm Sang

लिङ्ग

LI NGA

Xích Sang

शेष

'SOṢATRÀ

Nhọt do da khô nứt

सगर

SAGARÀ

Nhọt trĩ

विषय

_ VIṢAYOGA

Cổ Độc

अग्नि

AGNI

Lửa

उदक

UDAKA

Nước

मरुतलकान्तार

MÀRAVELAKÀNTÀRA

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

अकालमृत्यु

AKÀLA MṚTYU

Chết yếu không đúng thời

त्रैमुखा

_ TRAIMUKHA

Loài trùng có 3 cái miệng

ত্রিলাটক

TRAILÀṬAKA

Một loài mòng

বৃষ্ণিক

VR'SCIKA

Bò cạp

সর্প

SARPA

Rắn

নকুল

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

সিঁহ

SIMHA

Sư tử

বৃষ

VYÀGHRA

Cọp

রিষ

RIKṢA

Gấu ngựa

তারিষ

TARARIKṢA

Gấu heo

কামরা

CAMARA

Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

जिविका

JIVIKA

Loài sống dưới nước

जपं सर्वेषां (मग्नपत्रं महवज्रशुभं महप्रत्युङ्गिरं

_ TEṢÀM SARVEṢÀM_ SITÀTAPATRA MAHÀ VAJRA UṢṆIṢÀM MAHÀ PRATYU ṄGIRAM

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

एव द्वादश योजाना अन्तरिण

_ YÀBA DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTARINA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

विद्या बन्धमकारुमी

_ VIDYA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc Minh Chủ

तेज बन्धमकारुमी

_ TEJA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

प्रविद्या बन्धमकारुमी

_ PRAVIDYA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

तद्यथा ॐ अनाले विसुद्धे विरा वज्रधारी बन्धा बन्धानि वज्रपाणि फाटुं हुं त्रुं फाटुं स्वहा ॐ हुं विसुद्धे स्वहा

_ TADYATHÀ : OM_ ANALE VI'SUDDHE_ VIRA VAJRADHÀRI_ BANDHA BANDHANI_ VAJRAPÀNI PHAT_ HÙM TRÙM PHAT_ SVÀHÀ _ OM HÙM VI'SUDDHE SVÀHÀ

Tadyatha: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Vi'suddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vira: Tinh tiến dũng mãnh

Vajradhàri: Trì Kim Cương

Bandha: Cột trời , cột buộc

Bandhani: Cột trời

Vajrapàni: Kim Cương Thủ

Phạt : Phá bại

Hùm: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Trùm : Chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ
kiêu mạn**

Phạt : Phá bại

Svàhà : Quyết định thành tựu

Oṃ : Ba Thân quy mệnh

Hùm : Tâm Bồ Đề

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh

Svàhà : Thành tựu cát tường

Hiệu chỉnh xong phần Phạn Văn

07/06/2006

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Dựa theo Bài Chú ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

Việt dịch : *HUYỀN THANH*

I_ HỘI THỨ NHẤT :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bất Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả trong Thế Gian

Quy mệnh chúng đạt bốn Hương

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp ác tác thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay chặn đứng sự chết yếu không đúng thời

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

Ngài hay tồ hoại tám mươi bốn ngàn phiến não
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Ngài hay tồ hoại tám phiến não lớn
Ngài hay chận đứng tất cả oan gia
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...
_ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
Đại Uy Quang Mẫu
Đại Uy Diệu Mẫu
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
Đại Lực Cát Tường Mẫu
Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu
Phần Nộ Mẫu
Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
Kim Cương Thiệt Mẫu
An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

Kim Cương Thủ Mẫu

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

Biển Chiêu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

Kim Quang Nhân Mẫu

Kim Cương Chúc Mẫu

Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhân Mẫu

Nguyệt Quang Mẫu

Hết thảy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II _ HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chúng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường nghiền nát mọi nghiệp tội

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường uy trấn hộ trì thân căn

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường hoàn thiện các Minh Chú khác

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường trấn ngự tất cả điều ác

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Với HÙM Ạ TRÙM Ạ thường khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

_ Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cụ Chúng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

_ Nguyễn hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III _ HỘI THỨ BA :

Phàm có các tai nạn gây ra từ : vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, quân binh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu...Lại có các loài gây ra sự phiền não như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hộp bóng (Ảnh Quỷ) , Quỷ hại trẻ con, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn thứ sinh để, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thứ Chủ Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lôu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự Tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỗa Thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương cùng với Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV _ HỘI THỨ TƯ :

Cúi đầu con quy mệnh

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh

Bạch Tản Cái Thế Tôn

Hào quang lửa tròn đầy

Màu trắng tinh rực rỡ

Ánh sáng Bạch Tản Cái

Phóng muôn tia long lanh

Giáng phục, giáng phục khắp

Cắt đứt mọi trói buộc

Khủng bố các chướng ngại

Phá bại Tham ,Sân , Si

Cùng phá bại Mạn , Nghi

Thành tựu sự cát tường

_ Nay hô triệu phá bại

Hàng Bất Không Thiên Sứ

Phá bại không chướng ngại

Nguyện ban cho phá bại

Phá bại sự phá hoại của A Tu La

Phá bại tất cả Thiên Chúng

Phá bại tất cả Chúng Rồng

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng A Tu La
Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu
Phá bại tất cả chúng Nghi Thần
Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần
Phá bại tất cả chúng La Sát
Phá bại tất cả Nhân chúng (Loài người)
Phá bại tất cả chúng Phi Nhân
Phá bại tất cả chúng Quý hôi thối
Phá bại tất cả chúng Quý hôi thối lạ kỳ
Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)
Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)
Phá bại tất cả chúng Quý gây bệnh nóng sốt
Phá bại tất cả chúng Quý Kiện Vong
Phá bại tất cả chúng Trì Chú
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
Phá bại tất cả chúng Quý Hóa Sinh
Phá bại tất cả chúng Minh Vương Chính Hạnh
Phá bại tất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự tất cả Nghĩa Lợi
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)
Phá bại chúng của bốn chị em Thân Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ
Phá bại chúng Minh Vương

Phá bại chúng Đại Điều Phục

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa

Phá bại hàng Điều Phục Vương

Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

Phá bại hàng Quỷ Sứ Hắc Áo Thần Nữ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả

_ Nguyễn hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V _ HỘI THỨ NĂM :

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm phẫn nộ

Lại có các loài gây nhiễu hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phẫn nộ, loài có tâm không hiền lành.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nữ và Không Hành Nam, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có hình như con Linh Dương,

nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như : nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh) , vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, không ăn được, đau mắt, đau miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra, đau tai, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mất cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết..

Lại có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dầy như gai, nhọt đời ăn (Tri Thù Sang) Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ..

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yếu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailataka , rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước...

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú

Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)

Kết buộc Năng Thắng Minh

Liên nói Thần Chú là:

Om, a na lê, vi xút đê, vi ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um , phạt, sờ-va ha.

Om, hùm, vi xút đê, sờ-va ha

06/ 01/2002

[नमो नगमिने]

NAMO ANÀGAMÌNÀM

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả]

नमो लोके सम्यग्गतये सम्यक्प्रतिपन्नये

_ NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀM SAMYAKPRATIPANNÀNÀM

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hưởng trong Thế Gian

नमो देवेभ्यो

_ NAMO DEVA RṢINÀM

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

नमो सिद्धे विद्याधारेभ्यो शिवे गणेशे सहस्रमथने

_ NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRA RṢINÀM_ 'SAPÀNU GRAHÀ SAHASRA MATHÀNÀM

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

नमो ब्रह्मणे

_ NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

नमो इन्द्राय

_ NAMO INDRÀYA

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

नमो भगवते रुद्राय उमापति साहेयाय

_ NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

नमो भगवते नारायणाय पञ्चमहासुहस्रमूर्धन्य नमोऽस्तुते

_ NAMO BHAGAVATE NÀRAYAṆÀYA PAṆCA MAHÀ MUDRA AKÀMAPUTRA NAMASKṚTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

ନମୋ ନଗରୀୟ ମହାକାୟା ତ୍ରିପୁରା ନଗରୀ ବିହାରୀୟା ମହାସୁକ୍ତି
ସୁକ୍ତିୟା ବିହାରୀୟା ମହାମୁକ୍ତି ନମୋ ନଗରୀୟା

_ NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TRIPURA NAGARA
VIDÀRAPANA KÀRÀYA_ ADHIMUKTIKA 'SMA'SÀNA NIVASINI MÀTRGAᅇA
NAMASKRTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi
kính lễ của chúng Quỷ Mả

ନମୋ ନଗରୀୟା ନାମୋ ନଗରୀୟା

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

ନମୋ ପଦ୍ମକୁଣ୍ଡଳାୟା

_ NAMO PADMA KULÀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

ନମୋ ବଜ୍ରକୁଣ୍ଡଳାୟା

_ NAMO VAJRA KULÀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

ନମୋ ମନିକୁଣ୍ଡଳାୟା

_ NAMO MAᅇI KULÀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

ନମୋ ଗରଜାକୁଣ୍ଡଳାୟା

_ NAMO GARJA KULÀYA

Quy mệnh Khổ Tàng Bộ Tộc

ନମୋ ନଗରୀୟା ଦୃଢ଼ହା 'ସୁରାସେନା ପ୍ରାହାରଣା ରାଜାୟା
ତଥାଗତାୟା ଅରହତେ ସାମ୍ୟାକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟା

_ NAMO BHAGAVATE DRᅇHA 'SURASENA PRAHARANA RÀJÀYA
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dững Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng
Chính Đẳng Chính Giác

ନମୋ ନଗରୀୟା ଅମିତାଭୟା ତଥାଗତାୟା ଅରହତେ
ସାମ୍ୟାକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟା

_ NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अचिन्त्येव वैशुभ्य चरु एव नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GÜRÜ VAITÜRYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते संपुष्पे एव नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPITÀ SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते शक्यमुनये नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते रत्नकेतु एव नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ NAMO BHAGAVATE RATNAKETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

एव नमो

_ EBHYO NAMAḤSKRTVÀ

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

ॐ नमो भगवते अक्षोभ्यया तथगतया अरहते सम्यक्सम्बुद्धय

_ IDAṀ BHAGAVATE , STATHÀGATA UṢṆIṢA , SITÀTAPATRAṀ NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

अपारजितं प्रत्युङ्गिरामं

_ APARÀJITAM PRATYU ÑGIRAM

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

सर्वं भूतं ग्राहं निग्रहं करि

_ SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHÀ KARÌM

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

परविद्यं च्छेदना

_ PARAVIDYÀ CCHEDANA

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

अकालं मृत्युं प्रासमना करि

_ ÀKÀLA MR̥TYU PRA'SAMANA KARÌM

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

सर्वं बन्धनं मुक्षना

_ SARVA BANDHANA MUKṢANA

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

सर्वं दुष्टं दुःस्वप्नं निवाराणं

_ SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVÀRAṆÌM

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

चतुरासितिनं ग्राहं साहस्रानं विध्वंसना करि

_ CATUR A'SITÌNÀM GRAHÀ SAHASRÀNÀM VIDHVAMṢANA KARÌM

Ngài hay tòi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

अष्टविंशतिनां नक्षत्रानं प्रासदना करि

_ AṢṬA VIṢṬATÌNÀM NAKṢATRÀNÀM PRASÀDANA KARÌM

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

अष्टानां महाग्राहानं विध्वंसना करि

_ AṢṬANAM MAHÀ GRAHÀNÀM VIDHVAMṢANA KARÌM

Ngài hay tòi hoại tám phiền não lớn

सर्वत्रिद्वारिणी

_ SARVA 'SATRÙ NIVÀRANÌM

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

गुराम् दुःस्वप्नानाम् कानां सानाम् .

_ GURÀM DUḤSVAPNANÀM CANÀ'SANÌM

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

विषाग्नि उदक उत्थानि

_ VIṢA , 'SASTRA , AGNI , UDAKA UTTRANÌM

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...

अपराजिता अगुरा

_ APARAJÌTA AGURÀ

Vô Năng Thắng Kinh An Mẫu

महाबालकान्धाम्

_ MAHÀ BALÀ CANDÀNÀM

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

महादीपम्

_ MAHÀ DÌPTÀM

Đại Uy Quang Mẫu

महातेजम्

_ MAHÀ TEJÀM

Đại Uy Diệu Mẫu

महाश्वेतान्धाम्

_ MAHÀ 'SVETA JVALA

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

महाबालपण्डारवाशिनम्

_ MAHÀ BALÀ PAṆḌARAVAṢINÌM

Đại Lực Bạch Y Mẫu

ॐ ऋषेः

_ ÀRYA TÀRÀ

Thánh Cứu Độ Mẫu

ॐ भृकुटी

_ BHRKUTÌM

Phần Nộ Mẫu

ॐ शिवविजय वज्रमालती विस्रुतम्

_ CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRÙTAM

Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

ॐ पद्म अगमम्

_ PADMA AGMAM

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

ॐ वज्र शिवकाम

_ VAJRA JIHVAKAḤ

Kim Cương Thiệt Mẫu

ॐ माला शिव अपराजिता

_ MÀLA CIVA APARAJITAḤ

Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

ॐ वज्र दण्ड विसालका

_ VAJRA DAṄDI VI'SALACA

Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

ॐ शिव शिव सुश्रुतम्

_ 'SÀNTÀ VAIDEHÀ PÙJITAḤ

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dưỡng Mẫu

ॐ श्रुति रूपा महा श्रुति

_ SAUMI RÙPA MAHÀ 'SVETÀ

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

शुभ्रु नरु मरु वरु

_ ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

शुभ्रु वरु मरु वरु

_ APARA VAJRA 'SA ÑKARA CIVAH

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

वरु कुरु कुलु वरु

_ VAJRA KAUMARÌḤ KULANDHÀRÌ

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

वरु हस्तु

_ VAJRA HASTAKA

Kim Cương Thủ Mẫu

वदु कुरु मरु वरु

_ VIDYA KAMPANA MÀLIKAḤ

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

कुसुमु वरु वरु

_ KUSUMBHA RATNA CIVA

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

वैरुवन वरु वरु

_ VAIROCANA CODÀRTHA UᅀNÌᅀA

Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

वैरुमु मरु वरु

_ VIᅀMBHA MÀNADA VAJRA

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

कनु कुरु वरु

_ KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ

Kim Quang Nhân Mẫu

वज्र तुण्डिका

_ VAJRA TUNDÌKA

Kim Cương Chúc Mẫu

श्वेता

_ 'SVETAKA

Bạch Sắc Mẫu

कमलक्ष

_ KAMALÀKṢA

Liên Hoa Nhãn Mẫu

शशि प्रभा

_ 'SA'SI PRABHÀ

Nguyệt Quang Mẫu

ॐ श्रुतं मुद्रा गणः सर्वे रक्षाम् कुरुवतु मामाया

_ ITYETE MUDRA GAṆAḤ SARVE RAKṢAM_ KURVATTU MAMAṢYA

Hết thấy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

ॐ इन्द्रा मामाया

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI :

ॐ र्षिगण प्रसिद्ध नक्षत्रशुद्धं ॐ

_ OM_RṢÌGAṆA , PRA'SASTRA TATHÀGATA UṢNÌṢÀM _ HÙM TRÙM

Quy mệnh chủng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh
Kế

रामभानु ॐ

_ JAMBHANA_HÙM TRÙM

Với HÙM TRÙM thường nghiên nát mọi nghiệp tội

मम्बुहं ॐ

_ STAMBHANA_ HÙM TRÙM

Với HÙM TRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

पारिब्रह्मसम्भक्षणा करि ॐ

_ PARAVIDYÀ SAMBHAKṢANA KARA_ HÙM TRÙM

Với HÙM TRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

सर्व यक्ष रक्षस ग्राहणं विध्वंसन करि ॐ

_ SARVA YAKṢA RAKṢASA GRAHÀNÀM VIDHVAMSANA KARA_ HÙM TRÙM

Với HÙM TRÙM thường tối hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

चतुरस्रिग्राहणं ग्राहसाहस्रं विध्वंसन करि ॐ

_ CATUR A'SITINÀM GRAHÀ SAHASRÀNÀM VIDHVAMSANA KARA_ HÙM TRÙM

Với HÙM TRÙM thường tối hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

रक्ष रक्ष

_ RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

भगवं

_ BHAGAVAM

Đức Thế Tôn

स्रथगतुष

_ STATHÀGATA UṢNÌṢA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu

प्रत्युंगिरे

_ PRATYU NGIRE

Điều Phục Mẫu

महासाहस्र भुजे

_ MAHÀ SAHASRA BHÙJE

Đại Thiên Tý Mẫu

सहस्र शिख

_ SAHASRA 'SIRṢAI

Thiên Đầu Mẫu

कोटी शिख सहस्र शिख

_ KOṬI 'SATA SAHASRÀ NETRE

Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu

अभेद्या ज्वालि तनाटादाका महा वज्रोदरा

_ ABHEDYA JVALI TANATAḌAKA MAHÀ VAJRODÀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवन मण्डल

_ TR̄BHUVANA MAṆḌALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्तिरभवतु माम

_ OM_ SVASTIRBHAVATU MAMA

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

इन्द्राणां मामशुभं

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III. HỘI THỨ BA :

राजा भया

RÀJA BHAYA

Nạn vua chúa

करो भया

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भय

AGNI BHAYA

Nạn lửa thiêu đốt

उदाक भय

UDAKA BHAYA

Nạn nước cuốn trôi

विष भय

VIṢA BHAYA

Nạn thuốc độc

शस्त्र भय

'SASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

परक भय

PARACAKRA BHAYA

Nạn quân binh

दुर्भिक्ष भय

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

शनि भय

A'SANI BHAYA

Nạn mưa đá

शकल मृत्यु भय

AKĀLA MRITYU BHAYA

Nạn chết không đúng thời

धरणी भूमि कम्प भय

DHARAṆI BHUMI KAMPA BHAYA

Nạn động đất

उल्कपति भय

ULKOPATI BHAYA

Nạn trên đường đi nguy hiểm

राजा दण्डा भय

RÀJA DANĐA BHAYA

Nạn bị hình phạt của vua chúa

नागा भय

NÀGA BHAYA

Nạn do loài Rồng gây hại

विद्यु भय

VIDYU BHAYA

Nạn sét đánh

सुपर्णा भय

SUPARŇI BHAYA

Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra

यक्ष ग्रह

_ YAKŞA GRAHÀ

Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)

राक्षस ग्रह

RÀKŞASA GRAHÀ

Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

प्रेत ग्रह

PRETA GRAHÀ

Nga Quỷ Túy

पिशाच ग्रह

PI'SÀCA GRAHÀ

Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

ଭୃଗୁ ଗ୍ରହ

BHŪTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

କୁମ୍ଭାନ୍ତ ଗ୍ରହ

KUMBHAṆḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

ପୁତନା ଗ୍ରହ

PUTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy

କଟାପୁତନା ଗ୍ରହ

KATA PUTANA GRAHÀ

Kỳ Xú Quỷ Túy

ସ୍କନ୍ଦ ଗ୍ରହ

SKANDA GRAHÀ

Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

ଅପସ୍ମାର ଗ୍ରହ

APASMÀRA GRAHÀ

Kiến Vong Quỷ Túy

ଉନ୍ମାଦ ଗ୍ରହ

UNMÀDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

ଚ୍ଛାୟା ଗ୍ରହ

CCHÀYÀ GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

ରବି ଗ୍ରହ

REVATI GRAHÀ.

Não Nhi Quỷ Quý

उरुज (१७)

_ ÛRJA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn tinh khí

रुधिर (१७)

RUDHIRA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn máu huyết

ममसा (१७)

MÀMSA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn thịt

मद (१७)

MEDA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

मज्जा (१७)

MAJJA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn xương tủy

जटा (१७)

JATA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn sinh khí

जिविता (१७)

JÌVITA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn Thọ Mệnh

वन्ता (१७)

VÀNTA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn hơi thở ra vào

वससा (१७)

VA'SA AHÀRIṄYÀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

ਸੁਚ੍ਯਾ ਅਹਾਰਿਣ੍ਯਾ

A'SUCYA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn thứ bất tịnh

ਚਿਤ੍ਤਾ ਅਹਾਰਿਣ੍ਯਾ

CITTA AHÀRIṆYÀ.

Loài ăn tâm thức

ਠੇਸ਼ਮ ਸਾਰਵੇਸ਼ਮ ਸਾਰਵਾ ਗ੍ਰਾਹਾਨਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ TEṢÀṀ SARVEṢÀṀ_ SARVA GRAHÀNÀṀ VIDYÀṀ CCHINDHA YÀMI ,
KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

ਪਰਿਬਰਾਜਾਕਾ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ PARIBRÀJAKA KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

ਦਾਕਿਣਿ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ DÀKIṆÌ KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

ਮਹਾ ਪਾਸੁਪਤਿਯਾ ਰੁਦ੍ਰਾ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ MAHÀ PA'SUPATÌYA , RUDRA KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI ,
KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thủ Chủ Tự Tại Thiên

ਨਾਰਾਯਣਾ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ NÀRAYAṆA KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

ਤਤ੍ਵਾ ਗਰੁਡਾ ਕ੍ਰਿਤਮ ਵਿਦ੍ਯਮ ਚਿੰਦ੍ਹਾ ਯਮਿ ,

_ TATVA GARUḌA KṚTÀṀ VIDYÀṀ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

महा काल मृगम ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ MAHÀ KÀLA MÀTRGAᅇA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

कपालिका ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ KÀPALIKA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

जया करा मधु करा सर्वथा साधना कृतम विद्याम च्छिन्दाम किला यामि

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिणी ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ CATUR BHAGINÌ KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

भ्रमगिरिका नान्दिकेस्वरा गणपति साहेया कृतम विद्याम च्छिन्दाम किला यामि

_ BHRMᅇGIRIᅇIKA , NANDIKE'SVARA , GAᅇAPATI SAHEYA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

नग्न श्रमम ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ NAGNA 'SRAMAᅇA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thế

अरहन्ता ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ ARHANTA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

वैतालानां ज्ञान व्रतं कथयति कालयति

_ VETÀLAGAᅇA KᅇTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

Phạt phạt phạt phạt phạt: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

Svànhà: Quyết định thành tựu

ॠॠ ॠॠ

_ HEHE PHAT

Hô Triệu phá bại

ॠॠॠॠ ॠॠ

_ AMOGHÀYA PHAT

Bất Không Thiên Sứ phá bại

ॠॠॠॠॠॠ ॠॠ

_ APRATIHATÀYA PHAT

Phá bại không chướng ngại

ॠ ॠॠॠ ॠॠ

_ VARA PRADÀYA PHAT

Nguyện ban cho phá bại

ॠॠॠ ॠॠॠॠॠ ॠॠ

_ ASURA VIDARAPAKÀYA PHAT

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

ॠ ॠ ॠॠॠ: ॠॠ

_ SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả Thiên Chúng

ॠ ॠ ॠॠॠ: ॠॠ

_ SARVA NÀGEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Rồng

ॠ ॠ ॠॠॠ: ॠॠ

_ SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

सर्वगन्धर्वेषु क्लृप्तं

_ SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

सर्वपुत्राण्युः क्लृप्तं

_ SARVA PUTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

कटापुत्राण्युः क्लृप्तं

_ KAṬAPUTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

सर्वदुर्लम्ब्येषु क्लृप्तं

_ SARVA DURLAMGHYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá (kẻ có lỗi do tưởng sai lầm)

सर्वदुष्प्रेक्ष्येषु क्लृप्तं

_ SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (Kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

सर्वज्वर्येषु क्लृप्तं

_ SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

सर्वअपस्मर्येषु क्लृप्तं

_ SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

सर्वश्रमण्युः क्लृप्तं

_ SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

सर्वगैर्येषु क्लृप्तं

_ SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

सर्व उन्मादेभ्यः क्लृप्तं

_ SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

सर्व विद्या राजा कार्येभ्यः क्लृप्तं

_ SARVA VIDYÀ RÀJA CÀRYEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

जयकार, मधुकार, सर्वार्थ साधनेभ्यः क्लृप्तं

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANE BHYAḤ PHATḤ

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

विद्या कार्येभ्यः क्लृप्तं

_ VIDYÀ CÀRYEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại chúng Minh Hạnh

चतुर्भगिणीभ्यः क्लृप्तं

_ CATUR BHAGINÌBHYAḤ PHATḤ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

वज्रकौमरी विद्या राजेभ्यः क्लृप्तं

_ VAJRA KAUMARÌḤ VIDYÀ RÀJEBHYAḤ PHATḤ

Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương

महाप्रत्युन्गिरेभ्यः क्लृप्तं

_ MAHÀ PRATYU ÑGIREBHYAḤ PHATḤ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

वज्रनिर्णय चतुर्निर्णय क्लृप्तं

_ VAJRA 'SÀ ÑKARÀYA PRATYU ÑGIRA RÀJÀYA PHATḤ

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

महाकालाय, मातृगणाय नमः क्लृप्तं

_ MAHÀ KÀLÀYA , MÀTRGAṄA NAMAḤSKRṬÀYA PHATḤ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Am Mẫu

विष्णव्य कन्द

_ VIṢṆAVIYE PHAT

Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên

ब्रह्मव्य कन्द

_ BRAHMIVIYE PHAT

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

अग्न्य कन्द

_ AGNIYE PHAT

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

महाकाल्य कन्द

_ MAHA KALIYE PHAT

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

काल दण्ड्य कन्द

_ KALA DANḌIYE PHAT

Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Ao Thần Nữ

अिन्द्र्य कन्द

_ AINDRIYE PHAT

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

रौद्र्य कन्द

_ RAUDRIYE PHAT

Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ

कामुण्ड्य कन्द

_ CAMUNḌIYE PHAT

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

काल रात्र्य कन्द

_ KALA RĀTRIYE PHAT

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

कपालिये फल

_ KĀPALIYE PHAT

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

अधिमुक्ताक वसिने वसिनीये फल

_ ADHIMUKTOKA 'SMA'SANA VASINIYE PHAT

Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò mả và chốn hoang vắng

इन्दाना ममाश्या

_ INDHANA MAMAŞYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM :

येके चित्तं सत्वाश्या ममा

_ YEKE CITTÀ SATVAŞYA MAMA

Phàm có chúng Hữu Tình khởi tâm đối với ta

दुष्टं चित्तं

_ DUŞTA CITTÀ

Tâm độc ác

अमात्रं चित्तं

AMAITRA CITTÀ

Tâm không hiền lành

उरजा अहारं

_ URJA AHÀRÀ

Loài ăn tinh khí

गर्भा अहारं

GARBHA AHÀRÀ

Loài ăn bào thai

रुधिराहारः

RUDHIRA AHÀRÀ

Loài ăn máu huyết

वसुहारः

VA'SA AHÀRÀ

Loài ăn thứ do sinh đẻ

मज्जाहारः

MAJJA AHÀRA

Loài ăn Xương tủy

जटाहारः

JATA AHÀRÀ

Loài ăn sinh khí

शिविताहारः

JÌVITA AHÀRÀ

Loài ăn thọ mệnh

बल्यहारः

BALYA AHÀRÀ

Loài ăn sức lực

गन्धहारः

GANDHA AHÀRÀ

Loài ăn mùi thơm

पुष्पहारः

PUᅒPA AHÀRÀ

Loài ăn bông hoa

फलहारः

PHALA AHÀRÀ

Loài ăn quả trái

सस्यार

SASYA AHÀRÀ

Loài ăn hạt giống

पापस

PÀPA CITTÀ

Tâm tội lỗi

दुष्टस

DUṢṬA CITTÀ

Tâm độc ác

रौद्रस

RAUDRA CITTÀ

Tâm giận dữ

यक्षग्रह

_ YAKṢA GRAHÀ

Dạ Xoa Túy

रक्षसग्रह

RÀKṢASA GRAHÀ

La Sát Túy

प्रेतग्रह

PRETA GRAHÀ

Nga Quỷ Túy

भिसाकग्रह

PI'SÀCA GRAHÀ

Xí Trung Quỷ Túy

भुतग्रह

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

कुम्भग्रह

KUMBHÀNDA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

स्कन्दग्रह

SKANDA GRAHÀ

Thiên Thần Quỷ Túy

उन्मदाग्रह

UNMÀDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

छयाग्रह

CCHÀYÀ GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

अपस्मरग्रह

APASMÀRA GRAHÀ

Kiên Vong Quỷ Túy

दका दकिनिग्रह

DÀKA DÀKINÌ GRAHÀ

Không Hành Quỷ Túy

रवग्रह

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

जान्हिकाग्रह

JA NĠHIKA GRAHÀ

Như Linh Dương Quỷ Túy

शकुनिग्रह

'SAKUNI GRAHÀ

Điều Hình Quỷ Túy

नान्दिका ग्रह

NANDIKÀ GRAHÀ

Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

लम्बिका ग्रह

LAMBIKA GRAHÀ

Như Kê Hình Quỷ Túy

कण्ठपानि ग्रह

KANṬAPÀNI GRAHÀ

Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai

ज्वर

_ JVARA

Quỷ gây bệnh nóng sốt

एकदिना

EKÀHIKÀ

Một ngày phát bệnh một lần

द्वैतिका

DVAITYAKÀ

Hai ngày phát bệnh một lần

तृतिका

TRETYAKÀ

Ba ngày phát bệnh một lần

चतुर्दशिका

CATURTHAKÀ

Bốn ngày phát bệnh một lần

नित्यज्वर

NITYÀ JVARA

Luôn luôn nóng sốt cao

वषम ज्वर

_ VIṢAMA JVARA

Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

वतिक

VÀTIKÀ

Phong bệnh

पित्तिक

PAITTIKÀ

Bệnh vàng da

श्लेष्मिक

'SLEṢMIKÀ

Bệnh đàm rãi

संज्ञियज्वर

SÀMNIPATIKÀ

Bệnh do mọi thứ hòa hợp

सर्वज्वर

SARVA JVARÀ

Tất cả bệnh nóng sốt

शिरर्त्त

'SIRORTTI

Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)

अर्धवभदाक

ARDHÀVABHADAKA

Bệnh đau nhức nửa đầu

अक्षि रोग

AKṢI ROGAM

Bệnh đau mắt

मुख रोग

MUKHA ROGAM

Bệnh đau miệng

हृद्रोग

HRDROGAM

Bệnh đau toàn thể con người

ग्रह सुख

GRAHA 'SULAM

Đau nhức do Ma Quỷ gây ra

दन्त सुख

DANTA 'SULAM

Bệnh đau răng

हृदय सुख

HRDAYA 'SULAM

Đau tim

मर्मर सुख

MARMAN 'SULAM

Đau buốt xương

पशु सुख

PÀR'SVA 'SULAM

Đau hông sườn

पृष्ठ सुख

PRṢṬA 'SULAM

Đau lưng

उदर सुख

UDARA 'SULAM

Đau bụng

ကဏိ ဣဒံ

KATI 'SÙLAM

Đau eo lưng, đau mông đít

ဝေဒိ ဣဒံ

VASTI 'SÙLAM

Đau mắt cá chân

ဒုဝိ ဣဒံ

ÙRU 'SÙLAM

Đau bắp đùi

ကမ္ဘိ ဣဒံ

JAMGHA 'SÙLAM

Đau ống chân

ဝေဒိ ဣဒံ

HASTA 'SÙLAM

Đau bàn tay

ပဒေ ဣဒံ

PÀDA 'SÙLAM

Đau bàn chân

မုဒုတိ ပဒေသိ ဣဒံ

SARVAGA PRATYU ÑGIRA 'SÙLAM

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

ပုဂ္ဂိုလံ

_ BHÙTA VETÀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

ဝေဒိ

DÀKINÌ

Không Hành Nữ

खि

_ JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

दध

DATRÙ

Nhọt do cùi hủi

कण्ट

KANṬYU

Nhọt ghẻ mọc dầy như gai

किण्टि

KIṬṬI

Nhọt do đời ăn , nhọt do ở bẩn

भैलोटवै

BHAILOTÀVAI

Đinh Sang

सर्पलोह

SARPALOHÀ

Xâm Dâm Sang

लिङ्ग

LI ÑGA

Xích Sang

शोषात्र

'SOṢAṬRÀ

Nhọt do da khô nứt

सगर

SAGARÀ

Nhọt trĩ

विषयम्

_ VIṢAYOGA

Cổ Độc

अग्नि

AGNI

Lửa

उदकम्

UDAKA

Nước

मरुतलकान्तारम्

MÀRAVELAKÀNTÀRA

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

अकालमृत्यु

AKÀLA MR̥TYU

Chết yếu không đúng thời

त्रिमूकम्

_ TRAIMUKHA

Loài trùng có 3 cái miệng

त्रिलोकम्

TRAILÀṬAKA

Một loài mòng

वृश्चिकम्

VR'SCIKA

Bò cạp

सर्प

SARPA

Rắn

नकुल

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

सिंह

SIMHA

Sư tử

व्याघ्र

VYÀGHRA

Cọp

रिक्ष

RIKṢA

Gấu ngựa

तरारिक्ष

TARARIKṢA

Gấu heo

कामर

CAMARA

Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

जिविका

JIVIKA

Loài sống dưới nước

तपस्यसर्वेशसितातपत्रा महावज्रसंज्ञितं महाप्रत्युङ्गिराम्

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SITÀTAPATRA MAHÀ VAJRA UṢṆIṢÀṂ MAHÀ PRATYU ṄGIRAM

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

यथा द्वादशा योजानाभ्यन्तरिणा

_ YABA DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTARÌṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tội nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

ॐ वंद्यं कर्म

_ VIDYA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

ॐ तेज्यं कर्म

_ TEJA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

ॐ प्रविद्यं वंद्यं कर्म

_ PRAVIDYA BANDHAM KARA UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

ॐ तद्यथा ॐ मन्त्रे ॐ सुद्धे वैरा वज्रधारी वंद्यं वंद्यं वंद्यं वंद्यं ॐ
ॐ ॐ ॐ ॐ

_ TADYATHÀ : OM_ ANALE VI'SUDDHE_ VAIRA VAJRADHÀRI_ BANDHA
BANDHANI_ VAJRAPÀNI PHAT_ HÙM_ TRÙM_ PHAT_ SVÀHÀ

Tadyatha: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Vi'suddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vaira: Sự chống lại, dũng cảm, có năng lực khác thường

Vajradhàri: Trì Kim Cương

Bandha: Cột trời , cột buộc

Bandhani: Cột trời

Vajrapàni: Kim Cương Thủ

Phat : Phá bại

Hùm: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Trùm : Chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ
kiêu mạn**

Phat : Phá bại

Svànhà : Quyết định thành tựu

Hiệu chỉnh xong phần Phạn văn 06/06/2006

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Dựa theo Bài Chú Lăng Nghiêm phổ thông của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

Việt dịch : HUYỀN THANH

I_ HỘI THỨ NHẤT :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đỉnh kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bất Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

Ngài hay tội hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

Ngài hay tội hoại tám phiền não lớn

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...

_ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

Đại Uy Quang Mẫu

Đại Uy Diệu Mẫu

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

Đại Lực Bạch Y Mẫu

Thánh Cứu Độ Mẫu

Phần Nộ Mẫu

Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

Kim Cương Thiệt Mẫu

An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mẫu

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

Biển Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

Kim Quang Nhân Mẫu

Kim Cương Chúc Mẫu

Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhân Mẫu

Nguyệt Quang Mẫu

Hết thầy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II _ HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chúng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙM ҘRÙM ҘRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

Với HÙM ҘRÙM ҘRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

Với HÙM ҘRÙM ҘRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

Với HÙM ҘRÙM ҘRÙM thường tồ hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

Với HÙM ҘRÙM ҘRÙM thường tồ hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

_ Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cụ Chúng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III _ HỘI THỨ BA :

Phàm có các tai nạn gây ra từ : vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, quân binh, đói khát, sấm sét, chết yếu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu...

Lại có các loài gây ra sự phiền não như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hợp bóng (Ảnh Quỷ) , Quỷ hại trẻ con, loài ăn tinh khí, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ sinh để, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thủ Chủ Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự Tắt cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV _ HỘ THỨ TƯ :

Cúi đầu con quy mệnh

Bạch Tản Cái Thế Tôn

Hào quang lửa tròn đầy

Màu trắng tinh rực rỡ

Ánh sáng Bạch Tản Cái

Phóng tỏa khắp muôn nơi

Giáng phục, giáng phục khắp

Cắt đứt mọi trói buộc

Khủng bố trừ hai Chương

Phá bại Tham ,Sân , Si

Cùng phá bại Mạn , Nghi
Thành tựu sự cát tường
_ Nay hô triệu phá bại
Hàng Bất Không Thiên Sử
Phá bại không chương ngại
Nguyên ban cho phá bại
Phá bại sự phá hoại của A Tu La
Phá bại tất cả Thiên Chúng
Phá bại tất cả Chúng Rồng
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ
Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)
Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt
Phá bại tất cả chúng Quỷ Kiện Vong
Phá bại tất cả chúng Trì Chú
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh (Chúng Bộ Đa)
Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh
Phá bại tất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)
Phá bại chúng của bốn chị em Thân Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương
Phá bại chúng Đại Điều Phục
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Đại Quỷ Mẫu

Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Áo Thần Nữ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V _ HỘI THỨ NĂM :

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm không hiền lành

Lại có các loài gây náo hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thứ sinh đẻ, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phẫn nộ.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như : nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh) , vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, đau mắt, đau

miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mắt cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết...

Lại có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dầy như gai, nhọt dờn ăn (Tri Thù Sang) Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ...

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yếu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailataka ,Bò Cạp, rắn, chồn dử, sư tử, cạp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước...

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú

Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)

Kết buộc Năng Thắng Minh

Liên nói Thần Chú là:

Om, a na lê, vi xút đê, vai ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um , phạt, sờ-va ha.

16/ 01/2002

MAHÀ KÀRUṆIKA CITTA DHÀRAṆÌ ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi Phạn Ngữ và chú thích : HUYỀN THANH

नमो रत्नत्रयै

1) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYÀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNATRAYÀYA : Quy y Tam Bảo

नमो अर्या

2) Nam mô a lị gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ÀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ÀRYA : Quy mệnh Thánh

वलोकितेश्वर

3) Bà lô yết đế thước bát ra gia

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) I'SVARÀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITE'SVARÀYA : Quán Tự Tại

बोधिसत्त्व

4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI (Giác tuệ, Phật trí) SATVÀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI SATVÀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

महासत्त्व

5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHÀ (Đại, to lớn) SATVÀYA (Loài Hữu Tình)

MAHÀ SATVÀYA : Đại Giác Hữu Tình

महाकरुणिक

6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHÀ (Đại) KARUṆIKÀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHÀ KARUṆIKÀYA : Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

ॐ

7) Án

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

OM :Quy mệnh

ॐ ॐ ॐ ॐ

8) Tát bà la phạt duê

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE : Tất cả Thánh Tôn thanh tịnh

ॐ ॐ ॐ ॐ

9) Số đát na đát tóa

‘SUDDHA (Thanh tịnh) NÀDA (Âm thanh, âm giọng) ŞYA (Đẳng nhóm)

‘SUDDHA NÀDA ŞYA : Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là : Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU

ॐ ॐ ॐ ॐ

10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

NAMASKṚTVA(Quy y kính lễ) IMAM (Của tôi) ÀRYA (Bậc Thánh)

ॐ ॐ ॐ ॐ

11) Bà lô cát đế thất phạt la lăng đà bà

AVALOKITE’SVARA (Quán Tự Tại) LAMṬABHA (Sự nâng nhắc, nơi cư ngụ)

NAMASKṚTVA IMAM ÀRYA AVALOKITE’SVARA LAMṬABHA : Kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca (POTALAKA _ Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ॐ ॐ ॐ ॐ

12) Nam mô na la cần trì

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKANṬHA (Thanh cảnh_ Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiện ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

NAMO NĪLAKANṬHA : Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

ॐ मज्जि पवणं

13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế

HR (Nội tâm) MAHÀ (Đại) PATA (Ánh sáng)'SAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HR MAHÀ PATA'SAMI : Tâm từ bi hiển ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh

मज्जि पवणं

14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

SARVÀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) 'SUPHAM (Chiếu sáng)

SARVÀTHA DU 'SUPHAM : Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.

मज्जि पवणं

15) A thệ dưng

AJIYAM (Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được)

AJIYAM : Vô tử Pháp, Vô tử Giáo

मज्जि पवणं

16) Tát bà tát đá na ma bà già

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dưng mãnh) NAMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NAMA BHAGA : Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dưng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên

मज्जि पवणं

17) Ma phạt đặc đậu

MÀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHÀTI (Chối lợi rục rở) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)

MÀ BHÀTI DU : Đừng làm hư hỏng sự chói lợi rục rở. Câu này biểu thị cho Bạt lành của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần :” QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN “

मज्जि पवणं

18) Đát điệt tha

TADYATHÀ : như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

ॐ ह्रीं क्लीं

19) Án , a bà lô hê

OM (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục) AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)

OM AVALOKI : Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Âm

ह्रीं क्लीं

20) Lô ca đế

LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)

LOKATE : Biểu hiện cho Thể Quang Minh

ह्रीं क्लीं

21) Ca la đế

KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt để)

KALATI : Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

ॐ ह्रीं क्लीं

22) Di hê lị

I (Kêu gọi vang lừng) HELIH (Mặt Trời , sự chiếu sáng một cách vô tư)

I HELIH : Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

मूँ ह्रीं क्लीं

23) Ma ha bồ đề tát đỏa

MAHÀ BODHISATVA : Đại Bồ Tát

मूँ ह्रीं क्लीं

24) Tát bà tát bà

SARVA (Tất cả)

SARVA SARVA : Hết thấy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng Sinh

मूँ ह्रीं क्लीं

25) Ma la ma la

MALA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa pháp lành)

MALA MALA : Tặng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

मसि मसि हृदयं

26) Ma hê ma hê li đà dựng

MASÌ (Nhìn về , trông vào , xem xét) HRDAYAM (Tâm Đẳng)

MASÌ MASÌ HRDAYAM : Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần :” PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN “

कुरु कुरु कर्म

27) Câu lô câu lô yết môn

KURU (Tác làm) KARMAM (Nghệp Đẳng)

KURU KURU KARMAM : Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các công đức

तुरु तुरु भ्रष्टा

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

TURU(Nhanh chóng vượt thoát) BHASI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

TURU TURU BHASI YATI : Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần :” TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN “

महा भ्रष्टा

29) Ma ha phạt xà gia đế

MAHÀ BHASI YATI : Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

धारा धारा

30) Đà la đà la

DHÀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHÀRA DHÀRA : Gia trì , gia trì

धरिणि

31) Địa li ni

DHIRIṆI : Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

ॐ स्वराय

32) Thất phật la gia

I'SVARÀYA (Tự Tại Đẳng)

I'SVARÀYA : Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần :” THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN “

बल बल

33) Giá la giá la

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA : Hiện tượng Đại Phần Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

मम (मम)

34) Ma ma phạt ma la

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA (Xa lìa cấu nhiễm)

MAMA VIMALA : Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thặng, là cảnh thâm diệu khó lường

मुक्ते

35) Mục đế lệ

MUKTE : Giải thoát

यहेहि

36) Y hê di hê

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI : Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

सिना सिना

37) Thất na thất na

‘SINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

‘SINA ‘SINA : Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

सिना सिना सिना

38) A la sâm phạt la xá lợi

ARAṢIṀ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến)
'SARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARAṢIṀ BHALA 'SARI : Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

𑖀𑖩𑖩𑖩

39) Phạt xa phạt sâm

BHAṢÀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIṀ (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢÀ BHAṢIṀ : Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc

𑖀𑖩𑖩𑖩

40) Phạt la xá gia

BHARA (Ủng hộ, tán trợ) 'SAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA 'SAYA : Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay . Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến tánh)

𑖀𑖩𑖩𑖩

41) Hô lô hô lô ma la

HULÙ (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

HULÙ HULÙ PRA : nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng

𑖀𑖩𑖩𑖩

42) Hô lô hô lô hê lị

HULÙ (nhanh chóng) 'SRÌ (Cát tường)

HULÙ HULÙ 'SRÌ : Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại

𑖀𑖩𑖩𑖩

43) Sa la sa la

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA : Sức kiên cố, thật bền chắc

सि रि सि रि

44) Tát li tát li

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI : Dũng mãnh thù thắng cát tường

सुर सुर

45) Tô rô tô rô

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU : Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

बुधिय बुधिय

46) Bô đề dạ, bô đề dạ

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ

47) Bô đà dạ, bô đà dạ

बुद्धय बुद्धय

BUDDHÀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHÀYA BUDDHÀYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần :” THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN “

मैत्रिय

48) Di đế li dạ

MAITRIYA : Tâm Từ , ban vui cho người khác

निलकण्ठ

49) Na la cần trì

NĪLAKAṆṬHA (Thanh cảnh, cái cổ màu xanh)

NĪLAKAṆṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

त्रिस्रि

50) Tha li sắt ni na

TRI (Ba) ‘SARAṆA (sự cứng bén)

TRI'SARANA : cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác)

𑖀𑖩𑖫𑖮𑖪

51) Bà dạ ma na

ABHAYA (Bậc vô úy) MANA (Tâm ý)

ABHAYA MANA : Tâm Ý của Đấng Vô Úy

𑖀𑖩𑖫𑖮

52) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

53) Tất đà dạ

SIDDHIYA (Thành tựu đấng)

SIDDHIYA : Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giá

𑖀𑖩𑖫𑖮

54) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖀𑖩𑖫𑖮

55) Ma ha tất đà dạ

MÀHÀ SIDDHIYA (Đại thành tựu đấng)

MÀHÀ SIDDHIYA : Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

𑖀𑖩𑖫𑖮

56) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖀𑖩𑖫𑖮

57) Tất đà dụ nghệ

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA : Thành tựu Du Già , tức là Pháp Vô Vi

ॐ स्वराय

58) Thất bàn la dạ

I'SVARÀYA : Tự tại đấng

Siddhayoga+ I'svaràya = siddhayoge'svaràya

ॐ

59) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

ॐ

60) Na la cần trì

NĪLAKANṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho công đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái

ॐ

61) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

ॐ

62) Ma la na la

PRA (Thắng thượng) VARÀHA (heo) MUKHÀYA (khuôn mặt)

PRAVARÀHA MUKHÀYA :Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc

ॐ

63) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

ॐ

64) Tất la tăng a mục khư gia

'SRÌ (Cát Tường) SIMHA (Sư Tử) MUKHÀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

'SRÌ SIMHA MUKHÀYA : Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

सुह

65) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सुह सुह सुहसुह

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

SARVA (Tất cả) MAHÀ (Đại, to lớn) MUKTÀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHÀ MUKTÀYA : Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

सुह

67) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सुह सुहसुह

68) Giã cát la a tất đà dạ

CAKRÀ (Luân, bánh xe) YUDHÀYA (Cây gậy)

CAKRÀ YUDHÀYA : Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

सुह

69) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सुह सुहसुह

70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA (Hoa sen hồng) HASTÀYA (Thủ đảnh, bàn tay)

PADMA HASTÀYA : Liên Hoa Thủ Đảnh(chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiệu Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

सुह

71) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सुह सुह सुहसुह

72) Na la cần trì bàn già la gia

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) ‘SA ŃKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RÀJA (Vương, vua chúa)

NĪLAKAṆṬHA ‘SA ŃKHA RÀJA : Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi

𑖦𑖩

73) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

𑖦𑖩 𑖦𑖩 𑖦𑖩

74) Ma bà li thắng yết la dạ

MÀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ‘SA ŃKARÀYA (Sự câu tỏa)

MÀ VARI ‘SA ŃKARÀYA : Đừng buông bỏ sự câu tỏa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát

𑖦𑖩

75) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần :” THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN “

𑖦𑖩 𑖦𑖩 𑖦𑖩

76) Nam mô hạt la đát na đát la dạ gia

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYÀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNATRAYÀYA : Quy y Tam Bảo : Phật , Pháp, Tăng

𑖦𑖩 𑖦𑖩

77) Nam mô a li gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ÀRYA (Thánh)

𑖦𑖩 𑖦𑖩

78) Bà lô cát đế

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

𑖦𑖩 𑖦𑖩

79) Thước bàn la dạ

I'SVARÀYA (Tự tại đấng)

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA : Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại

ॐ

80) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần :” HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN “

ॐ (ॐ ह्रीं यजु)

81) Án tất điện đô

OM (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)

(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

ॐ

82) Mạn đá la

MANTRA : Thần chú, Chân ngôn

ॐ ह्रीं

83) Bạt đà gia

PADÀYA : Câu cú

ॐ

84) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần :” THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN “

20/02/1999

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch : HUYỀN THANH

1) Quy kính Tôn Đức Môn :

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bậc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy :

- Hỡi Đức Quán Thế Âm ! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thế Quang Minh , thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh , giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu

3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn :

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn :

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại

5) Thần Lực Gia Trì Môn :

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo

Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chương ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp tự tại

- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục

- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dững mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác

6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn :

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như :

.) Thành tựu viên mãn Pháp cõi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

.) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

.) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại

.) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc

.) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh

.) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

.) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não

.) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bạc Đại Bồ Tát

7) Hiện hiện Đại Bi Tâm Môn :

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng

- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

8) Thành tựu Niết Bàn Môn :- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

23/02/1999

NHƯ Ý BẢO LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI

Sưu tập và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

1) CĂN BẢN CHÚ :

ॐ नमो बुद्धाय

_ Nam mô Phật đà gia

*) NAMO BUDDHÀYA

Quy mệnh Phật Bảo

ॐ नमो धर्माय

_ Nam mô Đạt ma gia

*) NAMO DHARMÀYA

Quy mệnh Pháp Bảo

ॐ नमो संघाय

_ Nam mô Tăng già gia

*) NAMO SAMGHÀYA

Quy mệnh Tăng Bảo

ॐ नमो शिवशैलेन्द्राय वज्रसूत्राय मन्त्रसूत्राय

_ Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

*) NAMO AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA_ MAHÀ SATVÀYA

मन्त्रं करुणिकाय

_ Cụ Đại Bi Tâm Giá

*) MAHÀ KARUṆIKÀYA

ॐ तद्यथा

_ Đát diệt tha

*) TADYATHÀ

Khai mở Như Lai Tạng tuyên nói Thần Chú

ॐ

_ Ân

*) OM

Chữ OM được kết hợp bởi ba chữ A, U, MA trong đó

A là “ Tất cả Pháp vốn chẳng sinh “ biểu thị cho nghĩa của Pháp Thân

U là :” Tất cả Pháp Thí Dụ chẳng thể đắc “ biểu thị cho nghĩa cả Báo Thân

MA là :” Tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc “ biểu thị cho nghĩa của Hóa Thân

Do đó OM nhiếp nghĩa vô biên, là đầu mối của các Chữ tức là chỗ phát sinh của tất cả các Pháp. Từ đây OM là Mẫu của các Đà La Ni nên thường đặt ở đầu câu. Ngoài ra, tùy theo ý nghĩa của câu Chú theo sau mà OM biểu thị cho các nghĩa : Tam Thân, Quy mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, Nhiếp phục

ॐ

_ Chước yết ra phạt đẽ

*) CAKRA VARTTI

Hay chuyển bánh xe Vô Thượng, cũng có nghĩa là Tồi Phá

ॐ

_ Chấn đa mặt ni

*) CINTA MANI

Suy tư, cũng có nghĩa là Báu của Như Lai. Báu có 6 loại hay làm mãn ước nguyện của chúng sinh

ॐ

_ Ma ha bát đầng mế

*) MAHÀ PADMA

Hoa sen lớn biểu thị cho sự tĩnh các Phi Pháp, vốn chẳng nhiễm dính

ॐ

_ Rô rô rô rô

*) RURU

Lìa bụi dơ. Bụi có hai loại nên xưng hai lần. Ấy là : Nội Trần và Ngoại Trần

Nội Trần là năm căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân

Ngoại Trần là năm trần : Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc khi va chạm

Cả hai loại Trần đều không có Sở Đắc dùng làm phương tiện thành Du Già Quán Trí

१५

_ ĐỂ sắt tra

*) TIṢṬA

Trụ, cũng nói là Vô Trụ. Vô Trụ dùng làm gốc của tất cả Pháp, cũng nói là :” Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng trụ sinh tử “ Do Đại Trí nên chẳng dính vào sinh tử, do Đại Bi nên chẳng trụ Niết Bàn

१६

_ Thước la

*) JVALA

Cháy bùng. Ánh sáng chiếu diệu tràn khắp Hư Không Pháp Giới ở mười phương, cảnh giác chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng giáng tập phó hội. Bên dưới triệu tất cả tám Bộ Trời Rồng, loại hữu tình làm lợi ích gia trì

१७

_ A yết rị sa dạ

*) AKARṢĀYA

Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này mà chư Phật, Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng ứng theo sự triệu đều vân tập , gia trì hộ niệm

१८

_ Hồng

*) HŪM

HŪM có nghĩa là :” Tất cả Pháp không có Nhân “ cũng nói là Bồ Đề Đạo Trường . Như Kim Cương Đỉnh Du Già Kinh nói :” Vừa mới phát tâm Bồ Đề liền ngồi Bồ Đề Đạo Trường , chuyển bánh xe Chính Pháp “ Do dự tương ứng này mà một chữ của Chân Ngôn này ất hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp. Lúc niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đầy đủ Tát Bà Nhã Trí (SARVA JÑĀNA_ Nhất Thiết Trí Trí) thẳng đến cứu cánh ngôi tòa Kim Cương, bốn Ma hiện trước mặt ất nhập vào ĐẠI TỬ Tam Ma Địa giáng phục bốn Ma mà thành Chính Giác.

Bốn Ma là : Uẩn Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma đều tự giáng phục.

Lại nói là Pháp không có NHÂN y theo QUẢ của Thắng Nghĩa Đế cũng không có đắc. Vì không có NHÂN QUẢ cho nên xưa nay thanh tịnh.

१९

_ Phấn

* PHẠT

Chữ PHA (𑖓) có nghĩa là Phá Hoại, cũng có nghĩa là Tồi Hoại. Lúc được thành Phật thì tồi hoại bốn Ma, cũng nói ở trong ba Đức là ĐOẠN ĐỨC. Do dùng Trí cắt đứt tập khí phiền não của ba cõi, cũng cắt đứt 9 Địa Vị thấy đều viên mãn hai loại tư lương PHƯỚC ĐỨC, TRÍ TUỆ. Từ vô thủy đến nay, tất cả Hữu Tình dùng làm nơi gần gũi, vì nhớ Ân ấy nên đi đến nơi chuyển Pháp Luân diễn nói 12 Hạnh Pháp Luân.

Chữ T (𑖔) có nghĩa là :” Tất cả Pháp không có Sở Đắc “. Theo Phạm Thư thì chữ T có hình như nửa vành trăng nên giải thích là : Tất cả Pháp không có NGÃ, không có SỞ ĐẮC, dùng làm phương tiện ắt sinh thành KHÔNG, sinh BÁN KHÔNG (Một nửa của cái KHÔNG).

𑖔𑖔

_ Toá ha

* SVÀHÀ

Chữ SVÀ (𑖕) nghĩa là :” Không có ngôn thuyết “ làm thành Trí không của các Pháp, có nghĩa là Chữ đầy đủ (Mãn Tự) cũng nói là : Thành Tự Đại Phước Đức.

Chữ HÀ (𑖖) nghĩa là : Cắt đứt phiền não khiến cho các Hữu Tình gom chứa Đại Phước Đức, cắt đứt tất cả tập khí của Phiền Não và Tùy Phiền Não trong thân TA, NGƯỜI tràn khắp lời dạy của Mãn Tự, chứng được VÔ DƯ Y VÔ TRỤ NIẾT BÀN.

Toàn Bài CĂN BẢN CHÚ trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa thú.

Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân quy mệnh

CAKRA VARTTI có nghĩa là Chuyển luân Vương

CINTAMANI có nghĩa là Như Ý Bảo Châu (Viên Ngọc Như Ý)

MAHÀ PADMA có nghĩa là Đại Liên Hoa (Hoa Sen to lớn)

RURU có nghĩa là Xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trụ (An trú bền chắc)

JVALA có nghĩa là Phóng tỏa ánh sáng rực rỡ

AKARṢĀYA có nghĩa là Thỉnh Triệu

HUM có nghĩa là NHÂN KHỦNG BỐ nhằm dứt trừ Tâm vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề

PHAT có nghĩa là Phá Bại

SVÀHÀ có nghĩa là Thành tựu cát tường.

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ **Nam mô Phật Bảo**

Nam mô Pháp Bảo

Nam mô Tăng Bảo

Nam mô Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

Như vậy !

Con xin quy mệnh với Đức CHUYÊN LUÂN VƯƠNG NHƯ Ý BẢO CHÂU ĐẠI LIÊN HOA là Bậc đã xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

Con xin an trụ theo ánh lửa rực rỡ của Ngài để thỉnh triệu Chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Chúng, Tám Bộ Trời Rồng, Chư Vị Hộ Pháp nhằm giúp cho con phá bại Tâm Vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề, thành tựu cát tường “

2) ĐẠI TÂM CHÚ :

ॐ

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh, cảnh giác

པཌ

Bát đạp ma

* PADMA

Hoa sen

ཅན་པཌ་མི་

Chấn đa mạc ni

* CINTAMANI

Viên ngọc Như Ý

६२

Thước ra

* JVALA

Quang Diễm (Ánh sáng rực rỡ như ngọn lửa)

६३

Hồng

* HŪM

Đẩy lui Tâm Vị Ngã thành tựu Tâm Bồ Đề

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“ Hỡi ánh sáng rực rỡ của LIÊN HOA NHƯ Ý BẢO CHÂU hãy giúp cho
tôi thành tựu Tâm Bồ Đề “**

3) TÙY TÂM CHÚ

ॐ

Án

* OM

Chữ OM có nghĩa là Tất cả Pháp Lưu Chú không có SỞ ĐẮC dùng làm phương tiện, cũng có nghĩa là GIÁC chẳng thể đắc.

ॠ ॡ ॢ

Bát lật đà

* VARADA

Chữ VA (ॠ) có nghĩa là Tất cả Pháp siêu việt (Vượt quá) dường ngôn ngữ chẳng thể đắc

Chữ RA (ॡ) có nghĩa là Tất cả Pháp lìa như bản rớt ráo chẳng thể đắc

Chữ DA (ॢ) có nghĩa là Tất cả Pháp THÍ (Ban bố) rớt ráo không có sở đắc.

ॣ

Bát đẳng mế

* PADME

Chữ PA (𑖓) có nghĩa là Tất cả Pháp THẮNG TÍNH TƯỚNG chẳng thể đắc

Chữ DME (𑖓) có nghĩa là Tất cả Pháp là NGÃ THỦ CHẤP chẳng thể đắc

𑖓

Hông

* HÙM

Chữ HÙM có nghĩa là Tất cả Pháp rốt ráo cũng chẳng thể đắc

Toàn Bài Chú trên đây được Hòa Thượng TỈNH NGHIÊM ghi chú nghĩa với mục đích dùng Pháp BỐ TỰ (An bày Chữ) trên thân thể để quán tưởng tu tập

Chữ OM (ॐ) đặt trên đỉnh đầu

Chữ VA (ॐ) đặt nơi vầng trán

Chữ RA (ॐ) đặt trong hai con mắt

Chữ DA (ॐ) đặt nơi trái tim

Chữ PA (𑖓) đặt ở cái miệng

Chữ DME (𑖓) đặt ở hai bắp tay

Chữ HÙM (𑖓) đặt ở cái rốn

Quán chiếu các Chữ nói trên rõ ràng như mặt trời mới mọc tỏa ánh sáng rực rỡ chói chan rộng lớn vô cùng. Như Quán Chiếu này chẳng bao lâu sẽ chứng PHÁP THÂN Tam Muội

Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân Quy mệnh

VARADA có nghĩa là Dữ Nguyện , Thí Nguyện (Ban bố cho vật dụng tiền của)

PADME có nghĩa là Bên trong Hoa Sen. Vì hoa sen còn biểu thị cho Bản Tâm thanh tịnh không nhiễm cấu, nên PADME còn mang nghĩa là Bên trong Bản Tâm

HÙM có nghĩa là Cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Khi phát khởi được sự ban bố cứu độ trong Tâm thì mới thật sự bước vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân “

25/05/1998

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमः समन्त बुद्धेभ्यः

Nãng mô tam mãn đa mẩu đà nãm

* NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM

Quy mệnh phổ biến chư Phật

ॐ अप्रतिहता सख्यता न्य न्य

A bát ra để hạ đa xá ta nãng nãm

* APRATIĤATA'SASANĀNĀM

Các Bậc không có chướng ngại

ॐ तद्यथा

Đát diệt tha

* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ क्ख

Khư khư

* KHA KHA

Chữ KHA có nghĩa là Hư Không. Thế Gian cùng nhau công nhận là Pháp VÔ TÁC . Nếu tất cả các Pháp vốn chẳng sinh, lia các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng Hư Không. Các Pháp như tướng Hư Không đó là tướng chẳng hư dối. Do dùng hai lần chữ KHA biểu thị cho các Pháp vốn chẳng tạo tác, bình đẳng như Hư Không.

ॐ क्ख क्ख

Khư hứ, khư hứ

* KHAHI KHAHI

Chữ KHA là Hư Không

Chữ HI gồm có chữ HA là NHÂN và chữ I là CĂN GỐC

Do đó KHAHI tức là Nhân Căn của các Pháp như Hư Không. Vì dùng hai lần chữ KHAHI biểu thị cho Nhân Căn của các Pháp vốn chẳng sinh, bình đẳng như Hư Không

Do tướng Hư Không chẳng thể đắc nên KHAKHA KHAHI KHAHI biểu thị cho tướng VÔ KIẾN ĐỈNH của Như Lai.

𑖀 𑖀

Hồng Hồng

* HÙM HÙM

Chữ HÙM là Nhân Khủng Bố. Do hai lần dùng chữ HÙM nên phá diệt hai loại Phiền Não không còn dư sót khiến cho Trọng Chương Nhị Biên rốt ráo thanh tịnh

𑖑𑖑 𑖑𑖑

Nhập phạ ra, nhập phạ ra

* JVALA JVALA

Chữ JVALA có nghĩa là Cháy Bùng nên biểu thị cho ánh lửa rực rỡ, hoặc mang nghĩa Tỏa ánh sáng rực rỡ (Phóng Quang) . Do hai lần dùng chữ JVALA nên thiêu cháy hết cả NĂNG CHẤP và SỞ CHẤP thành tựu sự thanh tịnh

𑖒𑖒 𑖒𑖒

Bát la nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra

* PRAJVALA PRAJVALA

Chữ PRAJVALA có nghĩa là Vô Thượng Quang Diễm (Ánh lửa rực rỡ vô thượng) . Do hai lần dùng PRAJVALA biểu thị cho sự phóng ánh sáng Vô Thượng từ Đỉnh Kế của Phật gia trì cho chúng sinh trừ diệt các Ái để được sự chẳng nhiễm dính sáu Trần.

𑖓𑖓 𑖓𑖓

Để sắt sá, để sắt sá

* TIṢṬA TIṢṬA

Chữ TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trú . Do hai lần dùng chữ TIṢṬA nên biểu thị cho sự cầu nguyện được an trú vững chắc trong sự gia trì của Phật Đỉnh để diệt trừ các Ái chẳng nhiễm sáu Trần.

𑖔𑖔 𑖔𑖔

Sắt trí rị, sắt trí rị

* ṢṬRÌ ṢṬRÌ

Chữ ṢṬRÌ có nghĩa là Bụi Trần phá hoại khiến cho trì độn chậm chạp. Do hai lần dùng chữ ṢṬRÌ biểu thị cho sự trì độn chậm chạp phá hoại của Nội Chương và Ngoại Chương.

𑖀𑖂 𑖀𑖂

Ta phẩn tra, ta phẩn tra

* SPHAT SPHAT

Chữ SPHAT có nghĩa là Phá Hoại Tồi Diệt . Do hai lần dùng chữ SPHAT nên phá bại diệt trừ được sự tàn phá trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương.

𑖀𑖂𑖂

Phiến để ca

* 'SÀNTIKA

Chữ 'SÀNTIKA có nghĩa là Tức Tai nên dùng chữ này để dứt trừ chặn đứng mọi tai họa, nạn chướng.

𑖀𑖂

Thất rị duệ

* 'SRÌYE

Chữ 'SRÌYE có nghĩa là Cát Tường. Dùng Chữ này biểu thị cho sự đạt đến mọi điều an vui khoái lạc.

𑖀𑖂

Ta phạ ha

* SVÀHÀ

Thành tựu

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh hết thủy chư Phật, các Bạc Vô Chương Ngại ở khắp mười phương

Như vậy ! hồi ánh lửa rực rỡ của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng đã thiêu cháy mọi NĂNG CHẤP, SỞ CHẤP hãy tỏa sáng rực rỡ khiến cho con được an trú trong sự gia trì này nhằm phá tan sự trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương. Đồng thời khiến cho con dứt trừ được mọi tai nạn, thành tựu sự an vui tốt lành

22/08/1997

CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ

Phục hồi và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमो बुद्धाय

- Nam mô Phật đà gia

◆ NAMO BUDDHÀYA

Quy mệnh Phật Bảo

ॐ नमो धर्माय

- Nam mô Đạt Ma gia

◆ NAMO DHARMÀYA

Quy mệnh Pháp Bảo

ॐ नमो संघाय

- Nam mô Tăng Già gia

◆ NAMO SAMGHÀYA

Quy mệnh Tăng Bảo

ॐ

- An

◆ OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ ह्रीं

- Tất đế

◆ SIDDHI

Sự thành tựu

ॐ ह्रीं

- Hô

◆ HOH

Vui vẻ , hoan hỷ

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

- Độ rô, tất độ rô

◆ DHURU SUDHURU

Bảo trì (Ôm giữ) diệu bảo trì (Khéo ôm giữ) , lóe sáng, khéo lóe sáng

𑖔𑖕

- **Chỉ lị ba**

◆ GARJA

Khố (cái kho)

𑖔𑖕

- **Kiết lị bà**

◆ GARBHA

Tàng (Nơi cất chứa che dấu)

𑖔𑖕

- **Tất đạt rị**

◆ SADHARI

Diệu trì (Khéo cầm nắm)

𑖔𑖕

- **Bố rô rị**

◆ PURNI

Mãn túc (Đầy đủ)

𑖔𑖕

- **Ta phạ ha**

◆ SVÀHÀ

Thành tựu Tự Tính An lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ **Quy Y Phật Bảo**

Quy Y Pháp Bảo

Quy y Tăng Bảo

**OM ! Vinh quang thay sự thành tựu ! Hãy vui vẻ ôm giữ, khéo ôm giữ kho tàng
Chân Như ! Hãy khéo giữ gìn tự tính an lạc của Đại Niết Bàn “**

23/08/1997

PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

Khể thủ quy y Tô Tất Đế

Đầu diện đỉnh lễ thất câu đề

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề

Duy nguyện từ bi thùi gia hộ

“Cúi lạy quy y Diệu Thành Tựu (susiddhi)

Đầu mặt đỉnh lễ bảy cu chi (7 Koti _700 triệu)

Nay con xưng tán Đại Chuẩn Đề

Nguyện xin từ bi thương gia hộ “

ॐ म् सप्तं नम स्यात्सुखं ॐ ॐ

Nam mô tát đa nãm tam miệu tam bồ đà cu chi nãm

* NAMO SAPTÀNÀM SAMYAKSAMBUDDHÀ KOTINÀM

Quy mệnh bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác

ॐ ॐ

Đát diệt tha

* TADYATHÀ

Mở Như Lai Tạng nói Thần Chú là

ॐ

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ

Chiết lệ

* CALE

Giác động, tức là lay động sự Giác Ngộ

ब्रह्म

Chủ lệ

* CULE

Trực khởi, tức là đi thẳng đến

ब्रह्म

Chuẩn Đề

CU ỨNG ĐỀ

Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề

सुख

Ta bà ha

* SVÀ HÀ

Thành tựu vị an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh Bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy : Khi Thân, Khẩu, Ý hợp nhất với sự Giác Ngộ Phật Tính sẽ đi thẳng vào Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn
“

10/10/1997

THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ

QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Phục hồi và dịch Phạn Văn: HUYỀN THANH

ॐ नम

Án nại mo

OM NAMO

Quy mệnh kính lễ

नमस्तुभ्य

Bo cót ngỏa đế

BHAGAVATE

Thế Tôn

अपरिमेत अरुण

A ba na mật đạp, a ưu rị a nạp

APARAMITA AJURJÑANA

Vô Lượng Thọ Trí

सुविने श्रिता तेजा

Tô tất nễ, thật chấp đạp điệp tả

SUVINE 'SCITA TEJA

Quyết Định Quang Minh

राजेय

Ra tế dã

RÀJAYA

Vương (Vua Chúa)

तथागतये

Đát tháp cả đạt dã

TATHÀGATÀYA

Như Lai

नमस्तु

A ra ha tê

ARHATE

Ứng Cúng (A La Hán)

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Tam được tam bất đạt dã

SAMYAKSAMBUDDHAYA

Chính Đẳng Chính Giác

ॐ

Án

OM

Tam Thân quy mệnh

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Tất rị ba, tang tư cót rị

SARVA SAMSKARA

Tất cả sự cúng tế ở nhà (Gia Tế) hay tất cả hoạt động của tâm trí

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Bót rị thuật đạp

PARI'SUDDHA

Tối thượng thanh tịnh

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Đạt ra mã đế

DHARMATE

Pháp Tính

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Ca ca nại

GAGANA

Hư Không

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Tam mã ngọt ca đế

SAMUDGATE

Thắng thượng

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

Tát ba ngĩa

SVABHÀVA

Tự Tính

𑖀𑖄𑖅

Tỳ thuật đế

VI'SUDDHE

Thanh tịnh

𑖀𑖃𑖅𑖄

Ma hắc na dã

MAHÀ NAYA

Rộng lớn bao la

𑖀𑖃𑖅𑖄

Bát rị ngĩa rị

PARIVERE

Thắng nguyện

𑖀𑖃𑖅

Tóa hắc

SVÀHÀ

Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

**“ Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn VÔ LƯỢNG THỌ TRÍ QUYẾT ĐỊNH
QUANG MINH VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

Như vậy : OM

Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh

Thanh tịnh như Tự Tính thắng thượng của Hư Không

**Hãy phát khởi Thắng Nguyện rộng lớn để mau chóng đạt được sự an lạc thanh
tịnh của Đại Niết Bàn “**

12/02/1998

DUỘC SỰ QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN

Sưu tập và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

नम भगवते

Nam mô bậc già phật đẽ

* NAMO BHAGAVATE

Quy mệnh Thế Tôn

𑖀𑖄𑖔𑖒

Bệ sai xã

* BHAIṢAIJYA

Dược (Thuốc)

𑖄𑖒

Lũ rô

* GURU

Nghĩa đen là “ Sức nặng “nhằm chỉ một người tràn đầy đức tính kỳ diệu, thể hiện Trí Tuệ, hiểu biết, Từ Bi và phương tiện thiện xảo nên thường dịch là SỰ (Người thầy)

𑖀𑖔𑖒

Thích lưu ly

* VAITÙRYA

Ngọc Lưu Ly là thứ ngọc màu xanh biếc và trong vắt

𑖄𑖒

Bát lạc bà

* PRABHA

Quang (Ánh sáng)

𑖀𑖔𑖒

Hắc ra xà đã

* RĀJĀYA

Vương (Vua chúa)

नराजय

Đát tha yết dà gia

* TATHÀGATÀYA

Như Lai

𑖀𑖩𑖫𑖪

A ra hắc đế

* ARHATE

A La Hán, Ứng Cúng (Bậc xứng đáng thọ nhận vật cúng dường)

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖫𑖪𑖫𑖪

Tam miệu tam bôṭ đà gia

* SAMYAKSAMBUDDHÀYA

Chính Đẳng Chính Giác

𑖀𑖩𑖫𑖪

Đát điệt tha

* TADYATHÀ

Như Vậy, liền nói Chứ là

𑖀𑖩

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh. Chân Ngôn này được tuyên nói trong ánh sáng trên đỉnh đầu của Đức Dược Sư Như Lai nên OM có thể mang ý nghĩa là Quy mệnh như Lai Đỉnh Tướng

𑖀𑖩𑖫𑖪

Bệ sai thệ

* BHAIṢAIJYE

Như Dược (Thuốc) Đây là quán niệm Thiện Căn Dược , tức là thuốc trị Nghiệp Tật và biểu thị cho Ý MẬT

𑖀𑖩𑖫𑖪

Bệ sai thệ

* BHAIṢAIJYE

Như Dược. Đây là Chú Dược, tức là thuốc trị Quỷ Tật và biểu thị cho NGŨ MẬT

𑖀𑖩𑖫𑖪

Bệ sai xã

* BHAIŞAIJYA

Như Dược. Đây là Y Dược, tức là thuốc trị bệnh về bốn Đại và biểu thị cho THÂN MẬT

𑄀𑄁𑄂𑄃

Tam một yết đế

* SAMUDGATE

Thượng thắng, phát sinh, tự độ tha độ

Chân Ngôn này dùng chữ BHAI (𑄀) Làm Chủng Tử. Trong chữ BHAI có chứa chữ BHA (𑄁) biểu thị cho các Âm Quán , tức là Tam Quán (GIẢ QUÁN, KHÔNG QUÁN, TRUNG QUÁN) Do Bản Thệ của Đức Phật này trừ tất cả các bệnh về : Quả Báo, nghiệp ác, kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc.... Nên Ngài có tên là DƯỢC SƯ .

Lại nữa chữ BHA mang nghĩa của các Quán tức Tam Quán, vì thêm nét trên đầu chữ nên biểu thị cho Tam Muội TAM CHỈ (3 sự chặn đứng) Do dùng Tam Chỉ Tam Quán Dược để diệt trừ bệnh của ba cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) nên được gọi là DƯỢC SƯ.

𑄄𑄅

Toá ha

* SVÀHÀ

Quyết định thành tựu. Nguyên xin Đức Dược Sư cho con quyết định thành tựu Chú này

Đây cũng là Cảnh Phát Bản Nguyên khiến cho tác chứng minh, cũng có nghĩa là Vô Trụ Niết Bàn. Do trừ bệnh của Ba Cõi khiến trụ nơi an lạc bí mật của ba Đức (Pháp Thân Đức, Trí Đức, Phước Đức) nên lại nói là :” Cho đến lúc chứng được Vô Thượng Bồ Đề “

Toàn Bài Chân Ngôn trên có thể diễn dịch là

“ Quy mệnh Đức Thế Tôn DƯỢC SƯ LỮ LY QUANG VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy OM !

Xin Ngài hãy ban cho con thuốc diệt trừ bệnh Quả Báo, bệnh Nghiệp Ác, bệnh Kiến Tư, bệnh Trần Sa, bệnh Vô Minh để cho con mau chóng phát sinh được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề “

15/7/1997

QUÁN ÂM LINH CẢM CHÂN NGÔN

Phục hồi và dịch Phạn Văn: HUYỀN THANH

ॐ म॑म॒ प॒द्मे ॑ हूँ

Án, ma ni bát di hồng

*) OM_ MANI PADME HÙM

म॒ह॒त॒ इ॒न्द्र॒क॒र्तु॒ स॒व॒द॒

Ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt

*) MAHÀ JÑÀNA KETU SAVÀDA

Tính chất mâu nhiệm của cây phướng Đại Trí

क॒र्तु॒सि॒न्ध॒

Tích đặc ta nạp

*) KETU 'SÀNA

Ngồi dưới cây phướng này

वि॒द॒रि॒ष॒त्

Vi đạt rị cát

*) VIDHÀRIYA

Xa lìa sự chấp giữ

स॒र्व॒थ॒ प॒रि॒स॒द॒य॒

Tát nhi cán nhi tháp, bốt rị tất tháp cát

*) SARVÀRTHA PARISÀDHAYA

Tác thành tựu trong khắp các cõi

न॒पु॒र्ण॒

Nạp bổ ra nạp

*) NÀPURṆA

Không có gì không đầy đủ

ॐ नमो

Nạp bốc ri

*) NÀPARI

Không có gì có thể vượt hơn được

ॐ नमो

Thư thất ban nạp

*) UTTÀPANÀ

Luyện căn, tinh luyện các căn làm cho trong sạch

ॐ नमो लोकेऽस्वराय

Nại ma lô kiết thuyết ra gia

*) NAMAḤ LOKE'SVARÀYA

Quy mệnh Đức Thế Tự Tại

ॐ नमो

Tóa ha

*) SVÀHÀ

Thành tựu công Đức nội chứng của Ngài

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

OM MA NI BÁT MÊ HÙM là Tính Chất mẫu nhiệm của cây phướng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phướng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy luyện các căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tự Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài

25/06/1999

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÂN NGÔN

Phục hồi và dịch Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॠॡ

_ Ly bà

*) REPA

Đáng khinh, đê tiện, thấp kém, hèn hạ, dữ tợn, hung ác, tàn bạo, tàn nhẫn

ॠॡॢ

_ Ly bà đế

*) REPATE

Tình chất thấp hèn đáng khinh

ॠॡॣ

_ Cầu ha

*) KUHA

Vị chúa tể của sự giàu có phước lạc uy quyền, tức là Tài Thần KUBERA

ॠॡ।

_ Cầu ha đế

*) KUHATE

Tính chất cao quý phước lạc

ॠॡ॥

_ Đà la ni đế

*) TRANITE

TARA : Vượt qua, băng qua, lối đi

NITE : Mang vác, điều khiển, phẩm hạnh, hướng dẫn chỉ đạo, cánh vận chuyển, thái độ hành động đứng đắn

TARA NITE viết gọn là TRANITE biểu thị cho nghĩa **Đường lối của phẩm hạnh**

ॠॡ० ॠॢ

_ Ni ha ra đế

*) NIGALA RITE

NIGALA : Nuốt thức ăn, chịu đựng, cả tin , cấu xé, phá hủy, tiêu xài hoang phí

RITE : Di chuyển qua, đi theo, vận chuyển, kiến nghị, dòng nước, đuổi theo

NIGALA RITE : Tuân theo sự hấp thụ

𑀕𑀲 𑀲𑀸

_ Tỳ lê nễ đế

*) VIMA RITE

VIMA : Ánh sáng, sự xinh đẹp, mặt trăng, sự vinh quang, ánh sáng rực rỡ

RITE : Tuân theo

VIMA RITE : Tuân theo ánh sáng rực rỡ của sự vinh quang

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :” **Mọi đường lối Phẩm hạnh của sự thấp hèn và tính chất thấp hèn đều tuân theo sự hấp thụ điều cao quý và tính chất cao quý mà vận chuyển thành ánh sáng rực rỡ vinh quang** “

Riêng Bản lưu hành của chư Tổ có ghi thêm hai câu nữa nhằm minh họa rõ tính diệt trừ tội lỗi của câu Chú trên là :

𑀕𑀲 𑀲𑀸

_ Ma ha già đế

*) MAHÀ GATE : Đại thú hưởng, tức là lối nẻo rộng lớn

𑀲𑀸 𑀲𑀸

_ Chân lăng kiền đế

*) ‘SÀNTIM KRTE : Tác tức tai, hành động ngăn chặn tai họa

𑀲𑀸

_ Toá bà ha

*) SVÀHÀ

Viên mãn Phước Trí

Hai câu này có thể diễn dịch là :” **Đây là con đường rộng lớn hay chặn đứng mọi tai họa để viên mãn Phước Trí** “

VÃNG SINH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch Phạn Văn: HUYỀN THANH

नमो अमिताभया

Nam mô a di đát bà dạ
* NAMO AMITÀBHÀYA

Quy mệnh Vô Lượng Quang (A Di Đà)

तथागतया

Đát tha già đát dạ
* TATHÀGATÀYA

Như Lai

तद्यथा

Đa địa dạ tha
* TADYATHÀ

Như vậy, liền nói Chú là

अमृतोद्भव

A di lệ đô bà tỳ
* AMṚTODBHAVE (AMṚTA UDBHAVE)

Cam Lộ hiện lên

अमृतं संभव

A di lệ đát tất đát bà tỳ
* AMṚTA SAMBHAVE

Cam Lộ phát sinh

अमृतं विक्रान्तं

A di lệ đát tỳ ca lan đát
* AMṚTA VIKRÀNTE

Cam Lộ dũng mãnh

अमृता विक्रान्त गामिनी

A di lị đá tỳ ca lan đá già di nị

* AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE

Đạt đến Cam Lộ Dững mãi

गगना किरती करे

Già già na, chỉ đa ca lệ

* GAGANA KĪRTTI KARE

Rải đây Hư Không

सुहा

Ta bà ha

* SVÀHÀ

Thành tựu cát tường

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh A Di Đà Như Lai

Như vậy OM ! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh Cam Lộ, Cam Lộ dững mãi, đạt đến Cam Lộ dững mãi, rải đây Hư Không, thành tựu Cát Tường”

25/08/1997

THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

Phục hồi và dịch Phạn Văn: HUYỀN THANH

नम बुद्धाय

Nam mô Phật Đà gia

*) NAMO BUDDHÀYA

Quy y Phật

नम धर्माय

Nam mô Đạt Ma gia

*) NAMO DHARMÀYA

Quy y Pháp

नम संघाय

Nam mô Tăng Già gia

*) NAMO SAMGHÀYA

Quy y Tăng

नम श्री महादेव्याय

Nam mô Thất li, ma ha đề tử gia

*) NAMO 'SRÌ MAHÀ DEVÀYA

Quy y Cát Tường Đại Thiên

न कुक्ष

Đát nễ dã tha

*) TADYATHÀ

Như vậy, liền nói Chú là

परिपुर्ण काले

Ba li phú lâu na, giá li

*) PARIPURṆA CALE

Lay động sự thẳng mãi

समन्त दक्षिणे

Tam mạn đà, đạt xá ni

*) SAMANTA DAR'SANI

Nhìn thấy khắp cả

महा वरुण गत

Ma ha tỳ ra ha đế

*) MAHÀ VIHARA GATE

Đường lối phân ly rộng lớn

समन्त वरुण गत

Tam mạn đà, tỳ ni già đế

*) SAMANTA VIDHANA GATE

Đường lối kết hợp hình thành rộng lớn

महा कर्म पति

Ma ha ca li dã ba nễ

*) MAHÀ KARYA PATI

Đại tác nghiệp Chủ

सुपरिपूर

Ba ra ba nễ

*) SUPARIPÙRE

Đều khéo đầy đủ

सर्वथ समन्त सुप्रतिपूरण

Tát li phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na

*) SARVÀRTHA SAMANTA SUPRATI PÙRṆA

Khắp tất cả mọi nơi khéo viên mãn tối thù thắng

अलिना धर्म

A li na, đạt ma đế

*) AYANA DHARMATE

Lý Thú Pháp Tính

महा वरुषित

Ma ha tỳ cổ tất đế

*) MAHÀ VIBHAṢITE

Tính chiếu diệu rộng lớn

महा मय

Ma ha di lạc đế

*) MAHÀ MAITRE

Đại Từ

उपसंखि

Lâu phả tăng kỳ đế

***) UPASAMHÌTE**

Gần gũi thân cận lợi ích chân chính

हे (१५)

Hê đế tỳ

***) HE ! TITHU**

Mừng thay ! Đáng ban rải yêu thương

संखि

Tăng kỳ hê đế

***) SAMGRHÌTE**

Chân chính trì giữ lợi ích

समं सखि उपलं

Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni

***) SAMANTA ARTHA ANUPALANI**

Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả

Câu Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy y Tăng

Quy y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đáng quyền năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng !

Đáng chủ tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn !

Hãy khéo léo làm cho tất cả đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đáng biểu hiện của lòng yêu thương

Đáng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích

Ba la tăng yết đế (𑖀𑖩𑖫𑖪𑖫𑖬 _ PÀRASAMGATE) là Vượt qua bờ bên kia hoàn toàn . Đối với các Bậc Bồ Tát thì mục đích rốt ráo là chứng đắc quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác nên khi Thiện Căn chưa đầy đủ thì các Ngài không chịu chứng nhập quả vị Niết Bàn mà vận dụng Trí Tuệ Bát Nhã Bờ Cao Thượng chuyển Chân Không thành Diệu Hữu hay là rời Chân Đế hoà nhập cùng Thế Tục Đế thi hành hạnh nguyện cao cả qua việc hóa độ chúng sinh để hoàn thiện Phước Báo Hữu Vi. Khi công hạnh Giác Tha đã viên mãn thì Vị Bồ Tát Nhất Sinh Bồ Xứ sẽ lâm phạm kiếp chót để hoàn chỉnh GIÁC HẠNH VIÊN MÃN, tức là hoàn thiện Phật Trí và chứng nhận quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác (Dứt trừ VÔ MINH HOẶC)

Bồ đề (𑖀𑖩 _ BODHI) là Giác ngộ, Giác Tuệ, Phật Trí

Tát bà ha (𑖀𑖪𑖫 _ SVÀHÀ) là Dem lại sự an lành phước tuệ cho tất cả chúng sinh

Như vậy toàn bộ câu chú nguyện GATE GATE PÀRAGATE PÀRASAMGATE BODHI SVÀHÀ có thể diễn dịch là :

“ Vượt qua Kiến Hoặc, vượt qua Tư Hoặc, dứt trừ Lưu Hoặc, dứt trừ Vô Minh Hoặc, chứng đắc Phật Trí, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh “

20/07/1985

MỤC LỤC

1. Lời nói đầu Tr.01
2. Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Đà La Ni..... Tr.03
3. Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú Tr.114
4. Đại Bi Tâm Đà La Ni Tr.165
5. Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni Tr.180
6. Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú Tr.187
7. Công Đức Bảo Sơn Thần Chú Tr.190
8. Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú Tr.192
9. Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương
Đà La Ni Tr.194
10. Dược Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn Tr.197
11. Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn Tr.200
12. Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn Tr.202
13. Vãng Sinh Tịnh Độ Thần Chú Tr.204
14. Thiện Nữ Thiên Chú Tr.206
15. Bát Nhã Tâm Kinh Thần Chú Tr.209